

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 13

1. Đường Duệ Tông: (Canh Tuất)

Tên là Đán, con thứ tám của Cao Tông, ban đầu được phong làm Dự Vương. Sau Vũ Hậu phế Trung Tông rồi lập ông lên làm vua. Năm thứ bảy lại bị phế làm Tương Vương, thọ năm mươi lăm tuổi. Ông lập Long Cơ làm Thái tử, dùng Tống Cảnh, Diêu Sùng làm chánh sự. Em ông là Thái Bình công chúa chuyên quyền. Ông trị vì được ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Cảnh Vân.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Thái Cực, sau lại đổi thành Đình Hòa, lại đổi thành Tiên Thiên. Tháng bảy truyền ngôi cho Thái tử.

2. Tổ 6: Đại sư Tuệ Năng:

Tiên Thiên năm đầu, Đại sư Tuệ Năng thị tịch. Sư họ Lữ, cha người Phạm dương, tên là Hành Thao. Trong niên hiệu Vũ Đức, ông làm quan ở Tân châu, Nam Hải rồi sinh Sư ở đây. Ba tuổi mất cha, Sư thờ mẹ rất có hiếu. Lớn lên, nhà nghèo, Sư phải kiếm củi để nuôi mẹ. Một hôm gánh củi vào trong chợ nghe có người tụng kinh Kim Cang, Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ bèn hỏi khách:

- Đây là pháp gì, ai truyền cho ông?

Khách đáp:

- Đây là kinh Kim Cang do Đại sư Hoàng Nhẫn ở Huỳnh mai truyền.

Về đến nhà, Sư xin mẹ đi tìm thầy học đạo. Sư đến Huỳnh mai yết kiến Đại sư Hoàng Nhẫn, Hoàng Nhẫn vừa nhìn thấy Sư liền thầm hứa khả. Sau truyền y pháp và bảo Sư ở ẩn tại Hoài Tập Tứ Hội.

Ngày tám tháng giêng, Nghi Phụng năm đầu Sư đến Nam hải rồi về Tào Khê khai đại pháp vũ. Một hôm, Sư bảo chúng rằng:

- Nay Chư Thiện tri thức! Mỗi người nên tịnh tâm nghe ta nói pháp. Tự tâm là Phật, chớ có hồ nghi. Ngoài không một vật để có thể kiến lập. Đó đều là do bản tâm sinh ra muôn chủng pháp. Nên kinh nói:

“Tâm sinh thì chủng chủng pháp sinh, tâm diệt thì chủng chủng pháp diệt. Muốn thành tựu chủng trí, phải đạt được Nhất tướng Tam-muội và Nhất hành Tam-muội. Ở bất cứ nơi nào mà chẳng trụ tướng, ở trong các pháp chẳng sinh yêu ghét, cũng không thủ xả, chẳng nhớ nghĩ lợi ích thành hoại... an nhàn tĩnh lặng, rỗng rang đạm bạc, đó gọi là Nhất tướng Tam-muội. Ở bất cứ nơi nào, đi đứng nằm ngồi thuần một chân tâm, chẳng đối đạo tràng liền thành tịnh độ, đó gọi là Nhất hành Tam-muội. Nếu người đầy đủ hai thứ Tam-muội đó, như đất có giống hay hàm chứa trưởng dưỡng mà kết trái. Nhất tướng, Nhất hành cũng như vậy”.

Nay ta thuyết pháp cũng giống như mưa thấm nhuần đại địa. Phật tánh của các ông ví như giống gặp nước thấm nhuần và nảy mầm nường theo lời ta quyết chứng Bồ-đề, nường theo hạnh ta nhất định chứng được diệu quả.

Sư thuyết pháp độ cả ngàn học giả. Tháng bảy năm sau sư về trụ tại chùa Quốc Ân ở Tân châu. Đồ chúng khóc hỏi:

- Thầy đi bao giờ trở lại?

Sư đáp:

- Lá rụng về cội không hẹn trở lại.

- Pháp nhãn của thầy người nào được truyền?

- Người có đạo thì được, người vô tâm thì không.

Ngày ba tháng tám tại chùa Quốc Ân sư dặn dò chúng:

- Ta nhận y pháp của Đại sư Hoàng Nhẫn. Nay chỉ thuyết pháp mà không truyền y ấy cho các ông, bởi vì lòng tin của các ông đã thuần thực quyết định không còn nghi, kham lãnh được đại sự. Nghe ta nói kệ:

Đất tâm chứa các giống

Mưa xuống tất nảy mầm

Hoa đốn ngộ tình hết

Quả Bồ-đề tự thành.

Sư dạy tiếp:

- Pháp ấy chẳng hai, tâm này cũng vậy. Đạo vốn thanh tịnh không có các tướng. Các ông chẳng cần quán tịnh, chẳng cần làm tâm rỗng rang, tâm này vốn tịnh chẳng cần thủ xả. Các ông hãy tự nỗ lực tùy duyên mà bước đi. Giờ Niết-bàn của ta đã đến. Trân trọng.

Nói xong sư ngồi kiết già thị tịch. Hôm ấy, núi rừng trắng xóa, chim thú kêu rất bi thương, mây ngũ sắc hương thơm, sương móc quần quện mấy ngày mới tan. Sau đó Đô đốc Quảng Châu thống lãnh quan lại của hai quận Thiều, Tân nghênh đón nhục thân của sư về chùa Bảo Lâm ở Tào Khê rồi dựng tháp. Chân thân của Sư hiện nay vẫn còn.

Cự Đường sử ghi:

“Tắc Thiên nghe danh Thần Tú liền xuống chiếu mời đến kinh đô, rước ngài vào điện rồi quỳ lạy, ra lệnh dựng chùa Độ Môn ở núi Dương Dương để nêu cao tài đức của ngài. Bấy giờ, từ vương công cho đến sĩ thứ trong kinh thành đua nhau đến yết kiến, chen nhau đến lễ lạy, mỗi ngày có đến hơn vạn người. Hồi ấy Thần Tú và Tuệ Năng cùng thờ Đại sư Hoàng Nhẫn, hai ngài hoằng hóa nổi tiếng như nhau. Hoàng Nhẫn mất, Sư về trụ trì tại chùa Quảng Quả ở Thiều Châu, núi Thiều Dương hồi ấy có rất nhiều hổ báo, chỉ trong một đêm thì đi sạch, xa gần đều thán phục đến quy y sư. Thần Tú có lần tâu với Tắc Thiên xin triệu Sư vào cung, nhưng Sư từ chối. Tú lại tự viết thư thỉnh Sư, Sư bảo với thiên sử rằng:

- Ta xấu xí què mùa, người phương Bắc thấy ta sợ rằng không kính pháp của ta. Hơn nữa, thầy ta bảo rằng có duyên ở phương Nam, vì vậy không thể làm trái được.

Khi Trung Tông lên ngôi, triệu sư vào cung, nhưng rốt cuộc sư không đi và mất. Thiên hạ chia thành hai tông, cho rằng Thần Tú là Bắc tông, Tuệ Năng là Nam tông.

3. Huyện Tông: (Quý Sửu)

Tên là Long Cơ con thứ ba của Duệ Tông, sủng ái Dương Quý Phi, làm đạo sĩ lấy hiệu là Thái Chân. Lúc đầu, ông dùng Diêu Sùng, Tống Cảnh làm tướng trị yên thiên hạ. Về sau đam mê tửu sắc dùng Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung là tướng văn, An Lộc Sơn làm tướng võ. Sơn nổi loạn, không bao lâu thì mất nước. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Nguyên, trị vì được hai mươi chín năm thọ bảy mươi tám tuổi, Thượng Nguyên năm đầu ông mất, an táng tại Thái Lăng.

4. Thiên sư Vĩnh Gia Huyền Giác:

Ngày mười bảy tháng mười năm thứ hai, Thiên sư Vĩnh Gia Huyền Giác thị tịch. Sư họ Đới xuất gia từ nhỏ, học thông Tam tạng, tinh thông pháp môn chỉ quán của Thiên Thai. Sư cùng Huyền sư Huyền Sắc ở Đông Dương đến yết kiến Lục tổ. Đến nơi, Sư cầm tích nhiễu Tổ ba vòng. Tổ hỏi:

- Phàm là Sa-môn phải đầy đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức ở đâu đến mà sinh đại ngã mạn như vậy?

Sư thưa:

- Sinh tử là việc lớn, vô thường quá nhanh.

- Sao không ngay nơi đó nhận lấy vô sinh, tỏ ngộ cái không nhanh?

- Thế tức vô sinh, tỏ ngộ vốn không nhanh.

- Đúng thế! Đúng thế!

Sư bèn đầy đủ oai nghi lạy tổ, giây lát cáo từ. Tổ hỏi:

- Về nhanh thế ư?

- Vốn tự chẳng động làm gì có nhanh.

- Ai biết chẳng động?

- Thân giả tự sinh phân biệt.

- Ông thể nhập ý vô sinh rất sâu.

- Vô sinh có ý ư?

- Không ý thì ai phân biệt?

- Phân biệt cũng chẳng phải ý.

Tổ khen:

- Hay lắm! Hay lắm!

Sư lưu lại một đêm, thời bấy giờ người ta gọi sư là Nhất Túc Giác (trong một đêm liền ngộ đạo).

Sau khi trở về, học chúng đua nhau đến cầu học, Sư trước tác Chứng Đạo Ca gồm một thiên, được Tăng Ấn Độ mang về Thiên Trúc. Chư Tăng Ấn Độ trân trọng cho đó là kinh Đại thừa của Đông Độ. Sư còn trước tác Thiền Tông Tu Ngộ Viên Chỉ gồm mười thiên và Quán Tâm Thập Môn, đều được lưu truyền ở đời.

5. Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Nhất Hành vào cung:

- Ất Mão: Ngày tám tháng ba, Huyền Tông sai Lễ bộ lang trung Trương Hợp mang chiếu đến núi Đương Dương thỉnh Sa-môn Nhất Hành vào cung. Ngài cho rằng mệnh vua khó từ, nên đi. Vua xuống chiếu mời ngài ở tại điện Quang Thái. Vua nhiều lần hỏi ngài về việc an dân trị nước, ngài nói thẳng chẳng gì giấu giếm. Sau đó không lâu, Vĩnh Mục công chúa ra đời. Vua xuống chiếu y như việc cũ của Thái Bình công chúa mà phế truất. Ngài can gián vua cho rằng cuối đời Cao Tông chỉ sinh một đứa con gái, vì thế nên đặc biệt ưu đãi, nhưng do Thái bình vì kiêu ngạo lấn quyền nên bắt tội, không nên gán việc của Thái Bình cho Vĩnh Mục công chúa. Vua nghe theo bèn hạ chiếu đối xử như thường lễ. Trung thần đều can gián như vậy.

Có người cho ngài thuộc lòng rất giỏi. Một hôm vua đem sổ sách trong cung ra cho ngài đọc để thí nghiệm. Đọc qua một lượt, ngài đưa sách cho quan nội thị, rồi đối trước vua đọc lại mà chẳng hề sai một chữ.

Vua thất kinh quay qua nói với tả hữu:

- Thánh nhân đấy!

Từ đó, vua nhiều lần triệu ngài vào cung hỏi về tâm yếu của Phật, ngài ung dung đối đáp khiến vua ngày càng tỏ ngộ Phật lý. Mọi người trong thiên hạ nối theo nhà vua đến ngài hỏi đạo, tôn xưng ngài là Thiên sư.

6. Thiên sư Nguyên Khuê ở Tung nhạc:

Sư ở Bằng Cù trong Tung Nhạc. Một hôm, có dị nhân đội áo mào cân đai bệ vệ đi đến. Sư hỏi:

- Lành thay! Nhân giả! Đến đây có việc gì?

Người kia hăng giọng đáp:

- Thầy biết tôi ư.

Ngài nói:

- Tôi xem Phật và chúng sinh bình đẳng như nhau, lẽ đâu lại phân biệt?

- Ta là thần núi này, nắm quyền sát sinh người khác, lẽ đâu thầy coi ta như người khác?

- Ta vốn chẳng sinh ông làm sao giết? Ta xem thân như hư không, xem ta như ông, ông có thể giết được hư không và bản thân ông không? Nếu quả như ông làm được, nhưng ta thì bất sinh bất diệt, huống gì ông không thể làm được, thì làm sao sinh sát ta?

Thần cúi lạy nói:

- Tôi thông minh chánh trực giỏi hơn các thần khác, nhưng không biết thầy có trí tuệ rộng lớn như vậy, xin truyền trao chánh giới để tôi độ thế.

Ngài nói:

- Ông đã cầu xin giới, ngay đó đã đắc giới rồi. Vì sao vậy? Vì ngoài giới thì không có giới, làm sao giữ?

- Lý này tôi mờ mịt, chỉ cầu xin giới pháp của thầy, thân tôi nguyện làm đệ tử.

Ngài liền lập tòa, đốt hương và nói:

- Nay ta trao cho ông năm giới, nếu giữ được thì ông nói được, không giữ được thì nói không được.

Thần nói:

- Tôi xin y giáo.

Ngài nói:

- Ông có thể không dâm dục được không?

Thần hỏi:

- Lấy vợ được chứ?

- Không được, vì đó là không kiếm chế dục.

Thần nói:

- Được!

Ngài nói:

- Ông có thể không ăn trộm được không?

Tôi không thiếu thì ăn trộm làm gì?

- Không được, cúng thì ông ban phước bữa bãi, không cúng thì ông giáng họa.

Thần đáp:

- Được.

- Ông không sát sinh được không?

Thần đáp:

- Tôi là người nắm quyền, không sát sinh sao được.

- Không được lạm sát bữa bãi.

Thần đáp:

- Được.

- Không nói dối được không?

Thần đáp:

- Tôi vốn chánh trực làm gì có nói dối.

- Không được, trước sau không khế hợp với lòng trời.

Thần đáp:

- Được.

- Không uống rượu say sưa được không?

Thần đáp:

- Được.

Ngài nói:

- Đó là giới pháp của Phật nên có tâm phụng trì không nên câu chấp, nên có tâm vì người chứ đừng nghĩ đến mình. Nếu giữ được như vậy thì dù sinh trước trời đất nhưng không trẻ, dù chết sau trời đất nhưng không già, trọn ngày biến hóa nhưng không động, rớt ráo tịch diệt nhưng không yên. Tổ ngộ được lý này thì dù cưới vợ nhưng không phải cưới vợ, ăn cắp mà chẳng ăn cắp, nắm quyền mà chẳng nắm quyền, nói dối mà chẳng nói dối, say rượu mà chẳng hôn mê. Đó gọi là có tâm thì có giới, không tâm thì không giới, không giới thì không tâm, không Phật không chúng sinh, không có ông cũng không có ta, không có ông thì ai giữ giới?

Thần đáp:

- Thần thông của con so với Phật thế nào?

Ngài đáp:

- Thần thông của ông thì trong mười điều có năm điều không làm được, Phật thì trong mười điều thì có ba điều không làm được.

Thần hoảng sợ quỳ xuống thưa:

- Con có thể nghe được không?

Ngài hỏi:

- Ông có thể làm trái thượng đế đi bên Đông mà hiện bên Tây được không?

Thần đáp:

- Không làm được.

Ngài hỏi:

- Ông có thể bắt địa thần gom năm núi, kết bốn biển được không?

Thần đáp:

- Không làm được.

Ngài nói:

- Đó là năm điều mà ông không làm được.

- Phật có thể làm tất cả tướng rộng rang thành trí của vạn pháp, nhưng không thể diệt ngay được định nghiệp. Phật có thể biết tánh của hữu tình, thấu được việc trong ức kiếp, nhưng không thể giáo hóa kẻ vô duyên. Phật có thể độ vô lượng hữu tình nhưng không thể độ tận chúng sinh giới. Đó là ba điều mà Phật không làm được. Nhưng định nghiệp cũng không bền lâu, vô duyên cũng chỉ một lúc, chúng sinh giới vốn không tăng giảm. Rõ ràng không một người nào có thể làm chủ hữu pháp. Hữu pháp không có chủ đó là vô pháp. Vô pháp không có chủ, đó là vô tâm. Như ta hiểu Phật cũng không có thần thông, chỉ dùng vô tâm thông đạt tất cả pháp mà thôi.

Thần nói:

- Con thật cạn cợt ngu muội, chưa nghe được nghĩa không giới pháp mà thầy truyền trao con phải phụng hành. Nay con nguyện báo đáp, thầy cần điều gì chỉ dạy không?

Ngài nói:

- Ta quán thân không có vật, quán pháp không thường, còn muốn điều gì nữa.

Thần nói:

- Thầy phải sai con làm việc thế gian để bày thần lực của con

khiến những người đã phát tâm, chưa phát tâm có tín tâm, không tín tâm... thấy thần lực của con biết được có Phật có thần có điều làm được có điều không làm được, có tự nhiên, có chẳng phải tự nhiên.

Ngài nói:

- Ta không sai ông làm điều gì cả.

Thần nói:

- Phật còn khiến long thần ủng hộ Phật pháp lẽ đâu thầy làm trái với Phật sao. Mong ngài tùy ý sai bảo.

Bất đắc dĩ ngài nói:

- Chùa Đông Nham um tùm, cỏ mọc đầy mà không có đại thụ, phía Bắc núi này có nhưng chỉ bỏ không. Ông có thể dời cây ở phía Bắc trồng qua núi ở phía Đông được không?

Thần nói:

- Con xin tuân mệnh, chỉ sợ đêm tối tất có náo động xin thầy đừng sợ.

Nói xong, thần làm lễ rồi đi.

Ngài sai môn nhân tiễn thần, đồng thời xem thử ra sao. Thấy thần bệ vệ, dáng đi như vua, cuốn mây thổi gió, bụi bặm mịn mù, mang cả tràng phan chuỗi ngọc bay bổng lên không rồi ẩn mất. Đêm ấy quả nhiên gió to, sét dữ cuốn mây nổi sấm, nhà cửa rung động, chim đêm kêu thất thanh. Ngài bảo chúng rằng:

- Đừng sợ! Thần có nói trước với ta rồi.

Hôm sau trời quang mây tạnh và từng ở phía Bắc đã được dời hết qua phía Đông, vẫn xanh tươi như được trồng từ trước. Ngài bảo đồ chúng:

- Sau khi ta mất chớ để người ngoài biết, nếu để truyền ra người ta sẽ cho ta là yêu mị.

Sư vốn họ Lý, người ở Y Khuyết, xuất gia từ thuở nhỏ, thọ giới Cụ túc và đắc pháp với Quốc sư Lão An, thọ bảy mươi ba tuổi.

Luận rằng:

“Vương Văn Công nước Kinh có lần hỏi Trương Văn Định Công rằng: Sau Khổng Tử một trăm năm thì có Mạnh Tử. Sau Khổng Tử thì có ai, tại sao đạo của ta thăm thẳm đến thế.

Văn Định trầm ngâm một lát rồi nói:

- Có người tiếp nối, nói ra sợ rằng có lỗi với họ mà thôi.

Văn Công hỏi:

- Ai vậy?

Văn Định nói:

- Nam Nhạc Hoài Nhượng, Tung Sơn Nguyên Khuê, Mã Tổ, Thạch Đầu, Đan Hà, Vô Nghiệp.

Khổng Tử lập giáo, kỷ cương không còn, cho nên quy về họ Thích. Văn Công khen phải. Về sau, Trương Công Vô Tận nghe việc này khen: Quả thật là lời lẽ của người đạt đạo, ông ấy quả nhiên là người xuất thân từ tổ đình Tung sơn nên mới siêu tuyệt, thuyết pháp cuộn cuộn như thế. Vậy thì từ Nam Nhạc về sau, kỷ cương giáo pháp thế gian không còn, có thể thấy được lý do. Hai ba người cùng luận lẽ đâu không tin.”

7. Tam tạng Vô Úy đến Kinh sư:

Năm này Tam tạng Pháp sư Vô Úy người Thiên Trúc đến Kinh sư. Khi mới lên ngôi, một đêm nọ vua nằm mộng thấy có một Phạm Tăng phong độ rất phi thường đến yết kiến. Tỉnh dậy vua cứ nhớ mãi, bèn sai thợ vẽ lại hình Phạm Tăng treo ở vách điện. Đến khi Vô Úy vào yết kiến, vua nhìn kỹ mới biết ngài chính là vị Tăng mà mình đã thấy trong mộng. Vua rất lấy làm lạ, bèn thỉnh ngài về ở tại chùa Tây Minh, vua quan đại thần đều rất kính ngưỡng ngài. Mùa thu năm sau, trời hạn hán vua biết ngài có thể sai khiến được rồng bèn mời ngài vào cung thỉnh ngài cầu mưa. Vô Úy tâu:

- Trời hạn đương nhiên là khổ, nhưng nếu sai sứ rồng, sợ rằng tổn hại đến vật khác.

Vua lại xuống chiếu dụ rằng:

“Người khổ vì mùa thu hạn hán, tuy có gió dữ mưa dầm nhưng lại làm dân vui.”

Ngài đồng ý cầu mưa.

Quan Hữu ty thiết lập đàn tràng trang nghiêm tráng lệ, ngài cười nói:

- Như thế này mà khiến trời mưa ư?

Bèn sai dọn đi. Ngài chỉ bưng một bát nước đầy cầm một con dao nhỏ khuấy nước, tụng chú hơn trăm lần. Trong nước xuất hiện một con vật nhỏ như con nòng nọc đầu rồng, từ trong bát ngóc đầu dậy phun nước lên mặt ngài lát sau lặn mất, ngài niệm chú bảo đi. Khói trắng từ trong bát cuộn cuộn bay lên. Ngài bảo sứ giả:

- Về mau mưa đến đây.

Sứ giả chạy ngoái đầu nhìn lại thì thấy mây từ giáng đường bốc lên, chốc lát gió sấm nổi lên ùng ùng. Sứ giả chạy vào tâu vua thì áo mão đã ướt hết rồi. Lúc ấy, gió lớn mưa dầm ngập cả nhà cửa, nhân dân khiếp sợ, mưa gió cả ngày mới dứt. Lại có lần ngay lúc mưa dầm

đề, vua mới ngài dừng mưa. Ngài ở trong chùa nặn năm tượng hình người bằng đất bùn rồi niệm chú gần như mắng chửi, trời liền dứt mưa. Việc làm của ngài thần nghiệm như thế. Vua kính ngài như thần sau đó không lâu ngài thông Hoa ngữ dịch các kinh như Hư Không Tạng Tỳ-lô-giá-na Tô tất địa Yết la... cả hơn mười bộ. Khi ấy Thiền sư Nhất Hành, Tam tạng Bảo Nguyệt đều tham dự việc này. Tính ngài thích đơn giản yên tĩnh, ưa thiền quán, thường khuyên người học tu thiền định. Ngài nhiều lần dâng biểu xin về nhưng vua kiên quyết không cho.

8. Tổng Cảnh lễ tháp của Lục tổ:

Năm này Tiết Độ sứ Quảng Châu là Tổng Cảnh vào Tào Khê lễ tháp Tổ, thệ rằng:

- Đệ tử nguyện trọn đời ngoại hộ đại pháp, xin ứng hiện một điềm lành để làm tin.

Nói xong, gió nhẹ bỗng thổi đến, mùi hương phảng phất bay quanh ông. Tức khắc mưa ngọt trút xuống chỉ trong khuôn viên chùa. Cảnh mừng rỡ trở về. Sau đó không lâu Cảnh được triệu vào cung cùng chấp chánh với Diệu Nguyên Sùng. Người đời gọi là Diêu, Tổng là hiền tướng trung hưng giáo pháp.

9. Vua hạ chiếu mời Nhất Hành và sửa soạn Đại Diễn lịch:

Triều đình dùng lịch Lăng Đức, ngày nhật thực không đúng. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Nhất Hành sửa và soạn lịch mới. Ngài nhận chiếu chỉ suy tính số trong Đại Diễn và lập cách tính để thử lại. So sánh với những gì mà trong kinh sử ghi, thời tiết, ngày mồng một, tên gọi, độ số đã khảo cứu đều khế hợp với những gì mà ngài trước tác. Sau đó rất lâu Đạo sĩ Hình Hòa Phát bảo Thái sử Lệnh Ý Hâm rằng:

- Nhất Hành lễ đâu là Thánh nhân?

Xưa Lạc Hạ Hằng soạn lịch Thái sơ, từng ghi rằng:

“Tám trăm năm sau sẽ sai một ngày, lúc đó tất cả Thánh nhân xuất thế chỉnh sửa lại”.

Năm này đã đến ngày sai, Nhất Hành lại suy tính số của Đại Diễn để sửa lại sự nhầm lẫn của số gia. Lời của Hằng nói, quả thật không sai.

Hâm cũng cho là đúng. Ngài lại muốn biết hoàng đạo trời sput mấy ngày, nhưng Thái sử không có Hoàng Đạo Nghi, ngài dâng biểu xin lập Hoàng Đạo Nghi. Vua đồng ý.

10. Sa-môn Trí Thăng dâng mục lục Tạng kinh cho vua:

Nhâm Tuất: Vua chú giải Hiếu kinh và viết lời tựa.

Năm này Sa-môn Trí Thăng dâng vua mục lục Đại Tạng kinh của Phật giáo gồm hai mươi quyển, nhằm sắp xếp thứ tự Đại Tạng kinh và luận của Thánh hiền, cả thảy gồm năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển.

11. Nhất Hành Chế Tác Hoàn Thành Hoàng Đạo Nghi:

Tháng mười năm thứ mười một, Thiên sư Nhất Hành chế tác xong Hoàng Đạo Nghi, vua tự tay viết bài Minh, xuống chiếu an trí tại sân điện Vũ Thành để cáo thị với bá quan. Hoàng đạo nghi dựa trên tượng của một năm, có đủ sao, xích đạo và độ số của một năm, dẫn nước vào ngay trục khiến nó tự chuyển động. Một ngày một đêm thì giáp vòng. Bên ngoài gắn với hai bánh xe, nối liền với mặt trời mặt trăng khiến hai vật này cũng vận hành. Mỗi ngày phía Đông vận hành một vòng thì mặt trời vận hành ở hướng Tây một độ, mặt trăng vận hành mười ba độ và hai trên mười chín độ. Cứ mười chín lần quay thì mặt trời còn thừa, và mặt trời mặt trăng gặp nhau. ba trăm sáu mươi lăm lần quay thì mặt trời giáp vòng một năm. Hoàng Đạo Nghi làm bằng cái hộp bằng gỗ để trên đất bằng phẳng, một nửa của nó chôn sâu trong đất. Sáng tối, ngày mồng một, ngày rằm, nhanh chậm đều có chuẩn mực. Dựng hai người gỗ trên đất bằng, một người được đặt phía trước một cái trống để đợi thời gian, cứ đến một khắc (mười lăm phút) thì tự động đánh một tiếng trống. Một người được đặt trước một cái chuông để đợi giờ, cứ đến một giờ (hai tiếng đồng hồ) thì tự động gõ một tiếng chuông. Những vật này được nối nhau bằng một cây trục ăn sâu trong đất, mỗi vật có một công việc khác nhau. Hồi ấy Hoàng Đạo Nghi được xem là một thành công mẫu nhiệm. Nhưng không bao lâu, đồng sắt dần dần hoen rỉ nên không chuyển động được, vua cho cất vào viện Tập hiền.

Trong năm này đổi tên điện đường bàn việc chánh sự, và lấy tên khác là Trung Thư Môn Hạ Tỉnh.

12. Con gái Quách Hành Từng thiết trai cúng dường nên chiêu cảm phước báo:

Vợ Quách Hành ở huyện Văn Đãng thuộc Đãng châu sinh một con gái nhỏ thức ăn như hạc, bà muốn đem chôn sống thì nó cất tiếng nói: “Do đời trước tôi từng thiết trai cúng dường, nên hiện thân hình như thế này để mọi người biết”.

13. Ngưu Vân cầu thông minh được cảm ứng:

Giáp Tý năm mười bảy, Sa-môn Ngưu Vân thuở nhỏ rất đần độn. Một hôm ngài đến Đài sơn lễ lạy Bồ-tát Văn-thù. Vừa đến phía Đông Đài sơn, ngài gặp một ông lão. Ông lão hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Ngài đáp:

- Xin gặp Đại thánh cầu thông minh.

Ông lão nói:

- Văn-thù ở phía Bắc đài này, ông nên đến đó lễ lạy.

Ngưu Vân nghe lời dạy liền đi qua phía Bắc, nhưng cũng lại thấy ông lão khi nãy. Ngưu Vân nghĩ ông ấy chính là Văn-thù, liền sụp lạy. Ông lão nói:

- Ông là Sa-môn không nên lạy cư sĩ thế tục.

Ngưu Vân vẫn sụp lạy không ngớt. Ông lão cảm động liền nhập định, biết tiền thân của Ngưu Vân vốn là con trâu, có lần chớ kinh Phật, nhờ phước báo ấy nên hiện đời được làm Sa-môn. Ông lão xuất định và nói cho ngài biết. Ông lão nói tiếp:

- Bản tánh ông mê muội, trong não có một cục thịt, nay ta sẽ cắt bỏ nó dùm ông.

Rồi ông lão bảo ngài nhắm kỹ mắt lại đừng vội mở ra. Ngài làm đúng lời dặn. lát sau, ngài cảm thấy hình như ông lão dùng cái lưỡi mác nhọn cây trong não mình, nhưng không hình dung rõ ràng lắm. Một lúc lâu ngài thấy trong lòng khai mở khác hẳn lúc trước. Đến khi ngài mở mắt nhìn, thấy ông lão hiện lại thân Bồ-tát Văn-thù diệu tướng đoan nghiêm, và nói với ngài:

- Ta đã cho ông thông minh rồi đó!

Ngưu Vân vô cùng mừng rỡ cúi đầu lạy tạ, khi ngẩng lên thì Bồ-tát ẩn mất. Từ đó ngài thông minh, biện luận và liễu ngộ, là đạo sư của đương thời. Do tức nhân ấy nên ngài tên là Ngưu Vân.

14. Nhật Bản bắt đầu có Luật giáo: (Bính Dần)

Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu... người Nhật Bản đến Dương châu, đồng thời dâng cúng mười tám y Tăng-già-lê. Trên y có thêu hình núi, sông và những vật khác. Đó là vật mà quốc chủ của họ gửi sang để cúng dường cho Sa-môn đạo hạnh tại Trung Quốc. Khi ấy Luật sư Giám Chân nhận số y này và khen người nước ngoài có chũng tánh Phật và ngài muốn sang giáo hóa họ. Cũng vừa lúc Duệ, Chiếu... thỉnh cầu nên ngài liền theo thuyền sang Nhật. Giữa đường bị bão đập, đẩy thuyền

vào cửa biển Ngư Đà, nhưng do ngài là người có đạo hạnh trì Luật thâm sâu nên thoát được hiểm họa, cuối cùng cũng đến được Nhật Bản. Quốc vương Nhật Bản đoán biết trước nên liền xa giá đến nghênh đón ngài, và thỉnh về trụ ở điện Tỳ-lô-giá-na. Sau đó không lâu, quốc vương thỉnh ngài truyền tam quy ngũ giới. Phu nhân, quần thần cũng lần lượt được ngài truyền trao giới pháp. Từ đó Nhật Bản bắt đầu có Luật giáo.

15. Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi thị tịch: (Đình Mão)

Năm này Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi thị tịch, hưởng thọ một trăm năm mươi sáu tuổi. Ngài vốn là con của một quốc vương thuộc Nam ấn, nương ngôi xuất gia. Cao Tông nghe danh ngài liền hạ chiếu thỉnh ngài vào Trung Quốc. Trong niên hiệu Thùy Cung, ngài đến kinh sư, lúc ấy ngài đã bốn mươi tuổi. Những bộ kinh như Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích đều do ngài chuyển dịch. Vua và trọng thần trong triều tôn kính ngài như Phật sống. Ngày lễ tang, vua đặc biệt cấp cho ngài nghi lễ tống táng của thiên tử, dựng tháp ở Tây Nguyên, Long Môn và ban tặng ngài thụy là Khai Nguyên Nhất Biến Tri Tam tạng. Từ xưa đến nay chưa ai có đức độ và tiếng tăm như ngài.

16. Hòa thượng Phá Táo Đạo ở Tung sơn:

Không ai biết chính xác tên họ của Sư, lời nói và việc làm của sư không ai lường nổi. Người ta chỉ biết hồi ấy sư yết kiến Lão An Quốc sư và khế ngộ tâm yếu, ẩn cư trong Tung sơn. Trong núi có ngôi miếu rất linh, giữa điện chỉ an trí một ông táo. Kẻ gần người xa đến đây cúng tế không ngày nào ngắt. Sư dẫn đồ chúng vào miếu, dùng trượng gõ vào ông táo ba lần và nói:

- Ôi! Ông táo này do gạch đất làm thành, thánh từ đâu ra, linh ở chỗ nào? Thế mà lại đi hưởng phẩm vật cúng tế của người khác.

Sư lại dùng trượng gõ ba cái nữa, ông táo đột nhiên đổ sụp xuống. Lát sau bỗng có một người mũ cao đai rộng đến trước sư lạy tạ nói:

- Con vốn là thần táo trong miếu này, lâu nay phải chịu nghiệp báo, nay nhờ thầy nói pháp vô sinh, con được giải thoát sắp được sinh thiên, nên con đến lạy tạ.

Sư nói:

- Đó là tánh mà ông sẵn có, chẳng phải ta nói quá.

Thần táo lạy tạ sư rồi đi. Lát sau đồ chúng đến hỏi Sư:

- Chúng con lâu nay hầu hạ bên Hòa thượng, nhưng chưa được khai thị. Thần táo lãnh hội được ý chỉ thẳng tắt gì mà liền được sinh

thiên như vậy?

Sư đáp:

- Ta chỉ nói với ông ấy rằng do gạch đất làm thành chứ có nói đạo

lý gì khác đâu.

Cả chúng im lặng, lát sau sư hỏi:

- Hiểu không?

Chúng đáp:

- Không hiểu.

Sư nói:

- Tánh vốn có tại sao không hiểu?

Chúng Tăng sụp lạy. Sư nói:

- Phá rồi! Phá rồi! Đọa rồi! Đọa rồi!

Bấy giờ chúng Tăng đều tỏ ngộ huyền chỉ.

Sau này Thiên sư Nghĩa Phong hỏi Quốc sư Lão An về ngài thế nào. Quốc sư khen:

- Ông ấy thấu tận mình và vật nhất như, có thể nói như trăng sáng trên trời cao, không ai mà chẳng thấy, chỉ có điều khó thể nhập vào lời ông ấy thôi.

Nghĩa Phong hỏi:

- Chẳng rõ người nào thể nhập được lời ông ấy?

Quốc sư đáp:

- Không biết.

Lại có vị Tăng hỏi:

- Khi vạn vật vô hình thì thế nào?

Sư đáp:

- Lạy chính là ông chứ không phải ta, không lạy chính là ta chứ không phải ông.

Tăng lạy tạ. Sư nói:

- Vật sẵn có, vật chẳng phải vật, nên nói “Hay chuyển được vật thì đồng Như Lai” là thế.

Có vị Tăng từ Ngưu Đầu đến, Sư hỏi:

- Từ pháp hội của ai đến đây?

Vị Tăng bước tới chấp tay nhiễu sư một vòng rồi đi ra. Sư nói:

- Pháp hội Ngưu Đầu không thể có người này.

Tăng bèn quay lại chấp tay đứng bên sư. Sư nói:

- Phải vậy! Phải vậy!

Tăng hỏi tiếp:

- Lúc ứng vật chẳng do người khác thì thế nào?

Sư nói:

- Lẽ đâu có chuyện chẳng do người khác?

Tăng hỏi:

- Làm thế nào thuận chánh về nguồn?

Sư hỏi lại:

- Về nguồn thuận cái gì?

Tăng nói:

- Nếu chẳng phải Hòa thượng thì ai lầm lạc chuốc lấy tội lỗi!

Sư đáp:

- Vẫn chưa thấy được đạo lý thời Tứ Tổ, chỉ thấy sau đó và tương lai.

Tăng bèn nhiều sư một vòng rồi đi. Sư nói:

- Cái đạo thuận chánh xưa nay như vậy.

Có vị Tăng đứng hầu, Sư nói:

- Tổ Tổ Phật Phật chỉ nói như bốn tâm, bốn tánh của con người, ngoài ra không có đạo lý gì khác. Nắm lấy! Nắm lấy!

Tăng lạ tạ. Sư cầm phát tử đánh, nói:

- Một chỗ đã như vậy, thì ngàn nơi cũng như thế.

Về sau không ai biết Sư thị tịch lúc nào, ở đâu.

17. Nhất Hành thị tịch:

Tháng mười một năm này, Thiên sư Nhất Hành bị bệnh tại chùa Hoa Nghiêm. Cự Đường sử ghi:

“Đêm nọ vua nằm mộng thấy mình đến chùa, lại thấy một tịnh thất, giường tòa, cửa sổ nơi ấy đều có khí tượng trắng xóa. Đến sáng vua nghe báo Nhất Hành bị bệnh, liền sai sứ đến thăm hỏi. Sứ trở về kể lại quang cảnh nơi ngài nằm giống hết như cảnh vua thấy trong mộng. Vua than thở rất lâu. Sau đó hạ chiếu thỉnh mười vị Đại đức trong kinh thành lập đàn cầu phước cho ngài. Sau đó bệnh ngài thuyên giảm trong thời gian ngắn. Lúc ấy, vua hạ chiếu thỉnh ngài theo xa giá đi Tân phong, được ít hôm ngài bệnh lại. Vua đích thân đến thăm hỏi. Ngài bèn tắm rửa rồi ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ bốn mươi lăm tuổi. Vua khóc thương thảm thiết, không thiết triều ba ngày, hạ chiếu đến phúng điếu và cho quàng lại hai mươi một ngày để muôn dân đến chiêm ngưỡng lễ lạ. Dung mạo của ngài như người sống, râu tóc dài thêm ra. Vua đích thân soạn văn bia và khắc vào đá. Vua xuất năm trăm ngàn tiền trong quốc khố để dựng tháp và đúc tượng ngài bằng đồng, ban ngài thụ là Đại Tuệ Thiên Sư”.

Có lần vua từ tốn hỏi ngài vận nước lâu dài bao nhiêu, có gặp nạn không?

Ngài đáp:

- Loạn giá đi Vạn Lý, xã tắc cuối cùng có kiết.

Vua thất kinh hỏi nguyên do, ngài không nói, lui vào trong thất, bưng ra cái hộp nhỏ bằng vàng dâng vua và nói:

- Khi đến Vạn Lý thì mở ra xem.

Một hôm vua mở hộp xem, trong ấy bảo phải về gấp. Đến lúc gặp mối loạn của Lộc Sơn, xa giá đi thành đô, đến cầu Vạn Lý, vua tỉnh ngộ, không bao lâu liền quay về. Lúc ấy, Chiêu Tông mới được phong làm Kiết vương, mà nhà Đường đến Chiêu Tông thì diệt vong, nên ngài nói “cuối cùng có kiết”.

Trong làng có bà lão thường ăn chay, cúng dường, bà có một đứa con phạm tội giết người sắp đem hành hình. Bà lão khóc lóc đến cầu xin ngài cứu. Ngài thương bà lão, bèn sai đệ tử bắt sinh vật, đệ tử bắt bảy con heo con, ngài đem nhốt hết trong lu, rồi dùng Phạm ngữ phù chú vào. Trong bảy ngày, sao Bắc đẩu lặn hết đầu mất. Triều đình chấn động, Thái sử tâu vua tất có biến, xin vua vào chánh điện cầu cúng giải nạn. Vua bí mật hỏi ngài, ngài nói:

- Đây là yêu ma chứ không phải gì khác, hễ tâm sân thì phá hoại tất cả việc lành, tâm từ thì hàng phục tất cả yêu ma. Nếu bệ hạ xuống chiếu đại xá thiên hạ, thì yêu ma chẳng làm gì được.

Vua nghe theo liền đại xá thiên hạ. Con trai bà lão nhờ đó mà thoát chết. Mỗi ngày ngài thả một con heo con ra thì một ngôi sao xuất hiện. Đến ngày thứ bảy thì chòm sao Bắc đẩu hiện lại như cũ. Những bí thuật của ngài phần nhiều là như vậy.

Ngài trước tác: Dịch Luận mười hai quyển, Đại Diễn Luận hai mươi quyển, Khai Nguyên Đại Diễn Lịch năm mươi hai quyển, Thất Chánh Trường Lịch ba quyển, Thích Thị Tuệ Lục, Đại Diễn Huyền Đồ, Tâm Cơ Toán Thuật, Quát Độn Giáp Thập Lục Cục, Lục Nhâm Liên Châu Ca, Lục Nhâm Tủy Kinh, Thiên Nhất Thái Nhất Kinh, Thái Nhất Cục Độn Giáp Kinh, mỗi loại một quyển, Ngũ Âm Địa Lý Kinh mười lăm quyển.

Tể tướng Lý Kiệt Phủ phụng chiếu vua soạn Nhất hành truyện một quyển, có ghi lại trong Đường Nghệ Văn Chí. Năm thứ mười sáu, vua xuống chiếu sai Đặc Tiến Trương Thuyết, Lịch Quan Trần Huyền Cảnh... biên tập và lưu hành Đại Diễn Lịch do ngài soạn. Tháng ba, vua xa giá đến Ôn Thang, lộ trình có đi ngang qua tháp của ngài, vua xuống

xa giá nhiều quanh tháp ngài, sai Phẩm Quan đến trước tháp tuyên cáo ý nguyện của mình, là ban năm mươi vải lụa để trang trí tháp, đồng thời trồng lại từng bách trước tháp ngài. Ngài là người được thiên tử quan tâm đến như thế.

Sử Quan đời Tống là Âu Dương Văn Trung nói:

“Từ Thái sơ đến Lâm Đức Lịch, cả thầy hai mươi ba nhà làm lịch, tuy gần với ngày giờ nhưng chưa sát sao. Đến Nhất Hành thì sát sao bậc nhất. Ông ấy dựa vào số mà lập cách tính, nên không thể có gì thay đổi. Đời sau tuy có người sửa đổi lại, nhưng đều phỏng theo ông ấy mà thôi”.

Hồi ấy có Sa-môn Đạo Hoằng người Quảng Châu rất thân với Thị lang Trương Kích Chi. Hoằng hay nói việc kiết hung không điều gì là không hiệu nghiệm. Có lần Hoằng đến xem nhà cho Trương thư Trương Thuyết, dặn Thuyết rằng:

- Ông không nên đào đất ở góc Đông bắc.

Hôm khác Thuyết gặp Hoằng nói:

- Hơi xông khắp nhà, làm sao đây?

Hoằng cùng Thuyết đến xem góc nhà, bỗng thấy có ba lỗ hổng sâu hơn một trượng, Hoằng thất kinh nói:

- Ông giàu có chỉ một đời thôi! Con cái ông sắp tuyệt tự hết rồi!

Trương Thuyết sợ, muốn lấp đi, Hoằng nói:

- Lấp đất không có khí tượng, thì mạch đất không ăn liền nhau. Ví như vết sẹo trên cơ thể, đắp thịt khác vào thì có ích gì.

Về sau con cháu Trương Thuyết đều bị dính vào việc của Lộc Sơn nên bị chết sạch. Quả nhiên đúng như lời Đạo Hoằng nói.

Luận rằng: “Âu Dương Văn Trung rất ghét Phật giáo, ông ấy chưa khi nào đề cập đến Phật giáo cả, chỉ có trong Đường Chí ông ấy có coi trọng đến tác phẩm Đại Diễn của ngài Nhất Hành. Nhưng khi biên soạn về học thuật, thì Tống Cảnh Văn lược bỏ sử truyện của ngài Nhất Hành, Huyền Trang... mà chỉ soạn về học thuật địa lý của ngài Đạo Hoằng. Có thể ông ta cho rằng về phương diện Phật giáo, đạo hạnh và công lao của hai vị ấy không đáng để ghi nên mới làm như vậy, nhưng sự thật lẽ đâu lại như vậy ư?”

Đại Diễn bao quát cả thiên thời; địa lý đề cập đến nhân sự, cho nên sử sách ghi lại đầy đủ, còn như đạo Phật của chúng ta không đời nào thịnh bằng đời Đường. Trong gần ba trăm năm, những bậc thầy về đạo đức trong thiên hạ không sao kể hết. Âu Dương và Tống Văn cho rằng Phật giáo chuộng giáo pháp của phương khác, nên đổ kỵ mà không

chép. Cũng thời Xuân Thu, Lão Đam, Đàm Tử là bậc hiền tài nhưng trái lại không bằng Giang Nhân, Hoàng Nhân lại được chép trong sử sách. Như vậy lẽ đâu Lão thị không đáng để ghi chép sao.

Nên biết sử sách của quốc gia bao gồm lễ nhạc, chánh sự và những bí thư có giá trị và không giá trị khác, còn như giáo pháp của Phật giáo ta thuộc bậc tuyệt thế, vượt hẳn phiền lụy của phàm tình, thì can dự vào chánh sự làm gì, cho nên ông ấy không chép chung trong sách sử thế gian là thế. Từ đó mà xét, Âu Dương, Tống Văn phế truất nền đạo giáo ta, nhưng thân ý lại là đề cao, tôn trọng Phật giáo.

Ca ngợi thay! Đại sư Nhất Hành! Buông ra lời nào đều là sấm ký của tám trăm năm. Đương thời minh quân thiên tử phải quỳ lạy tôn xưng là Thánh nhân. Đến như những tác phẩm của ngài làm ra để lại cho hậu thế, nó bao quát cả trời đất, xuyên suốt cả gần xa, đến một trăm năm sau những học thuật của ngài vẫn có hiệu nghiệm. Còn như Đại sư là Thánh nhân hay Hiền nhân thì bản thân tôi không biết”.

18. Bài tựa Bát-nhã Tâm Kinh:

Lần đầu tiên lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên thu. Bắt đầu dùng Đại Diễn Lịch.

Năm này Thái sư Yên Quốc Công Trương Thuyết mất. Ông là trọng thần của nhà Đường. Những tác phẩm lớn trong triều phần nhiều do ông viết. Ông giỏi văn chương, cân nhắc thấu đáo lại am hiểu Phật giáo. Ông từng bị đày ở Nhạc châu nhưng nhờ tài thơ ca mà ông được giảm nhẹ tội. Hồi ấy người ta cho rằng ông được vọng khí núi sông trợ giúp. Thiên hạ không gọi đích danh của ông mà chỉ gọi Yên Công. Ông viết và khắc đá bài tựa trong Bát-nhã Tâm Kinh. Trong ấy nói:

“Muôn hạnh phát khởi từ tâm, tâm là cái làm chủ con người. Ba thừa đều quy về một, một là chủ của các pháp. Biết tâm không nắm bắt được đó mới là thật sự nắm bắt được. Thấy một nhưng thông suốt tất cả, đó mới thật sự là thông suốt một cách nhiệm mầu. Như Lai nói ngũ uẩn đều không, vì con người vốn không. Như Lai nói tướng các pháp rỗng rang, vì pháp vốn rỗng rang. Biết pháp thấu tánh rỗng rang, thấy tánh rỗng rang thì buông pháp. Thấy biết như vậy chẳng phải là rỗng rang đó sao! Thế nên định và tuệ đều rỗng rang trong pháp, vào được cửa ngõ này gọi là thấy tỏ pháp môn, đi trên con đường này gọi là con đường thẳng tắt. Nếu chẳng phải người thực hành sâu Bát-nhã này thì ai có thể chứng biết điều này”.

Phò mã Đô úy Vinh Dương, Trịnh Vạn Quân là những người rất

giỏi văn chương, sở học tinh thông, hạ bút như thánh, hai người trở tài ấn khắc tâm kinh dựng cái đáng quý của thiện thánh, mở tinh hoa cho hậu lai. Trong đó có đoạn nói:

“Phật dùng cái tâm không chấp tướng mà diễn thuyết, vì pháp vốn không sinh; ta dùng cái tâm không trụ trước mà truyền, nên nay pháp cũng không diệt. Đạo nằm trong chữ nghĩa, ý ngang bằng trời đất”.

Quốc lão Trương Thuyết nghe vô cùng vui mừng. Những lời lẽ tán dương Phật pháp đều được khắc trong đá. Ông lại viết bài tán và bài tựa cho Tam Quy viện và Thiện Pháp đường. Trong ấy nói:

“Tam Quy viện Thiện Pháp đường ở phía Tây Pháp Trì viện do Trưởng lão Sơ Thượng Thiền sư sáng lập. Thiền sư họ Bành tên Tri, bản tánh hiếu học, thờ mẹ rất chí hiếu, mẹ mất sư tuyệt thực đến bảy ngày. Sư nói năng lời lẽ thâm sâu, đức hạnh sâu kín, dốc chí vào đạo, thám xét lý huyền nghiên cứu ý chỉ trong kinh Dịch, Lão Trang, Thái Nhất. Ngài tinh thông Phật điển, phẩm hạnh cao vời, hoạch định rõ ràng, chẳng mảy may nhầm lẫn. Việc làm của ngài như chẻ gỗ trong ngó sen, như tìm văn trong đá tảng, gắng sức dùi mài, toàn những việc mà sức người không kham nổi. Danh sĩ trong triều, cao đức nơi rừng sâu đều được thấm nhuần pháp vũ, xa gần đều mến mộ sư. Những năm cuối đời, Sư chuyên tâm thiền quán. Những việc sư làm trong thuở bình sinh thoát khỏi bụi trần. Sư thường cảm niệm Đế vương, cha mẹ đã cho mình xuất gia, công ơn sinh thành thật không sao trả hết. Sư nương giáo pháp Như Lai lập công đức này nhằm cầu phước cho quốc vương, báo ơn Cửu huyền Thất tổ trong muôn một, nguyện cùng tất cả chúng sinh đồng lên bờ giác.

Tam Quy đường do Sư sáng lập vào niên hiệu Trường An năm đầu. Thiện Pháp đường sáng lập vào năm Khai Nguyên năm đầu. Trong đó có em cùng mẹ với sư là Nhân Uyển, đệ tử sư là Khải Nghi và Sa-di Linh Triết là những người có công rất lớn. Bài tán viết rằng:

*Kính báo các Phật tử
Nhất tâm thanh tịnh xét
Muốn cầu đạo chân chính
Phải vào từ lòng tin
Là tướng Phật hư không
Là nhiệm mầu của pháp
Định tuệ chẳng lìa nhau
Đó là Tạng hòa hợp
Nhân không pháp cũng không*

*Hai không ấy cũng không
 Trụ tâm trong tam không
 Nên gọi Tam quy xứ
 Lớn thay ngài Sơ Thượng!
 Dựng lập Thiện Pháp đường
 Điểm tô ba đời Phật
 Trang nghiêm mắt thanh tịnh
 Hay vận tâm vô ngại
 Vào khắp tất cả nơi
 Thấy chẳng hề nhiễm sắc
 Biết chẳng hề chấp biết
 Đó là thấy chân thật
 Là cái biết giải thoát
 Phật quán lia sinh diệt
 Các pháp cũng như vậy.*

19. Ấn định lại ngũ phục: (Nhâm Thân)

Năm này định chế lại ngũ phục. Ngũ phục có từ thời xưa, đến Thiên hậu thì bà xin để tang mẹ ba năm, sau đó họ Lư biện bác, không đồng ý. Khai Nguyên năm thứ năm Lư Lý Bằng dâng biểu tâu, vua quan luận nghị rối bời, từ đó mỗi khanh sĩ đều có tang phục khác nhau. Qua hai mươi năm Tiêu, Cảo... chỉnh sửa lại ngũ phục, vua hạ chiếu y theo đó mà làm. Năm loại lễ phục này gồm có:

1. Tam Niên phục: Để tang cha gọi là Trảm thôi, vì tình thương thống thiết, như cắt đứt lòng mình. Để tang mẹ gọi là Tề thôi, kể sau cha, nhưng chỉ để tang trong hai mươi bảy tháng thì hết. Mười hai tháng đầu gọi là Tiểu tường, hai mươi lăm tháng kế tiếp là Đại tường. Tháng thứ hai mươi bảy gọi là Đàm phục, thêm một tháng để tang trong lòng nữa, sau đó là hết tang. Trảm thôi và Tề thôi chỉ được may bằng vải gai thô xấu. Bề tôi để tang vua cũng như vậy.

2. Kỳ Niên phục: Gồm mười ba tháng, là để tang cho ông nội...

3. Đại Công: Gồm chín tháng để tang cho chú bác...

4. Tiểu Công: Gồm năm tháng để tang cho anh em...

5. Ty Ma: Gồm ba tháng để tang cho anh em trong họ và nội ngoại trong tộc.

Còn lại, trong Ngũ Phục Chú sở có nói rất rõ.

20. Tam tạng Kim Cang Trí thị tịch:

Ngày một tháng tám. Tam tạng Kim Cang Trí nói với đồ chúng:
- Lúc trăng tròn thì ta đi.

Đến lúc đó, ngài đầu đội kinh, nhiều quanh tượng Tỳ-lô xong, về sàng tòa ngồi kiết già thị tịch. Vua ban ngài thụ là Quán Đảnh Pháp sư, sai Trung thư Đỗ Hồng Tiệm soạn văn bia.

Ngài thuộc dòng vương tôn ở Tây Vực, theo A-xà-lê Long Trí xuất gia và được truyền Mật giáo. Sau đó ngài qua vùng Nam hải của Trung Quốc. Tiết độ sứ Quảng Châu bẩm báo về triều, vua hạ chiếu đem xe đến rước ngài vào cung triều kiến vua. Vua gặp ngài mừng rỡ, thỉnh ngài trụ tại chùa Đại Từ Ân

Sau đó không lâu, trời hạn hán, vua thỉnh ngài cầu mưa. Ngài lập đàn họa tượng Phật Thất Câu Chi thờ và hện rằng:

- Khi nào tượng mở mắt thì trời mưa. Ba ngày sau quả nhiên tượng mở mắt, lúc ấy có một vật lạ từ đàn tràn bay bỗng lên hư không hóa thành mây rồi mưa ào ào đổ xuống. Vua xuống chiếu hết lời tán thán ngài.

Năm sau ngài xin từ biệt vua đi Nhận Môn nhưng vua không cho đi, ngài bèn qua ở chùa Tiến Phước. Ngài tiếp độ người rất cẩn trọng, không bao giờ biểu lộ niềm vui trên sắc mặt, nên chẳng ai biết tâm trạng ngài thế nào. Đi đến đâu ngài đều lập đạo tràng Quán đảnh ở đó. Đệ tử ngài có sư Bất Không được truyền tông chỉ.

Hồi ấy Bất Không thờ ngài, ngài giao cho sư Tất Đàm chương bằng tiếng Phạm và Thanh Minh luận, chưa đầy mười ngày, Bất Không đã đọc thuộc. Ngài thán phục tài của Bất Không dẫn sư vào đạo tràng Kim Cang niên hoa để kiểm nghiệm, ngài nhận thấy Bất Không còn giỏi hơn mình. Bất Không xin năm bộ Du-già, ngài chưa hứa khả, Bất Không liền đến Thiên Trúc tìm cầu. Đêm nọ ngài nằm mộng thấy tượng Phật trong kinh thành đều đi về hướng Đông cả, khi tỉnh dậy ngài kể cho Bất Không nghe, lúc này Bất Không mới nói rõ ý nguyện sang Tây Thiên của mình. Ngài nói:

- Ông là người thừa kế tông chỉ, ta đâu có tiếc gì!

Rồi ngài truyền trao năm bộ Du-già, Tỳ-lô-giá-na kinh và Tô Tức Quỹ Phạm cho Sư. Sau khi ngài thị tịch, Bất Không nhận lời di huấn phổ truyền Mật tông này sang Tây Thiên.

21. Thiên sư Nghĩa Phước thị tịch:

Năm này Thiên sư Nghĩa Phước thị tịch. Cự Đường sử chép:

“Sư đắc pháp với Thiên sư Thần Tú, hồi ấy sư ở trong phương

trượng của chùa Cẩm Hóa, hơn hai mươi năm chưa từng ra khỏi cửa. Có lần sư theo xa giá đến Đông đô, Thứ sử cùng quan lại muôn dân trong Bồ châu và Hiệu châu đều đem tràng phan hương hoa đến nghênh đón sư, đến nỗi nghẹt cả đường đi. Sau khi sư thị tịch, vua hạ chiếu ban cho sư hiệu là Đại Trí Thiên sư và an táng phía trên cửa cung. Hôm ấy có đến mấy vạn người tống tiễn kim quan. Trung thư Nghiễm Đĩnh Chi soạn văn bia. Hồi đó Thiên sư Thần Tú tuy là bậc đức hạnh trong Thiên môn, được Đế vương kính ngưỡng, nhưng ngài chưa từng nhóm chúng khai đường truyền pháp. Đến sau khi Sư thị tịch, Thần Tú mới bắt đầu truyền giáo tại kinh thành. Trong hơn hai mươi năm ấy, ai nấy đều rất ngưỡng mộ Sư.

22. Trương Quả Tiên sinh ở Hằng châu: (Quý Dậu)

Thứ sử Hằng châu là Vi Tế tâu vua:

- Phương sĩ Trương Quả có bí thuật Trường Niên, nói được những việc trong vài trăm năm. Hồi trước Tắc Thiên có lần triệu ông vào triều nhưng ông giả chết không đi. Đến nay mới thấy lại.

Vua nghe vậy sai Trung thư Thị lang Từ Kiêu đem ngọc tỳ và thư đến nghênh đón ông.

Trương Quả vào cung, vua nghe ông biến hóa khôn lường thì tỏ vẻ nghi ngờ. Hồi ấy Hình Hòa Phát rất giỏi toán số, biết được thọ mạng người khác ngắn hay dài. Vua triệu Phát vào tính tuổi thọ của Quả. Phát mờ mịt chẳng biết Quả có tuổi thọ bao nhiêu. Lại có Dạ Quang là người rất giỏi về ma quỷ, vua triệu Quang và Quả cùng ngồi im lặng quan sát nhau, rốt cuộc Dạ Quang cũng không thấy được Quả là người thế nào. Vua nghe nói, người uống nước rau cần mà không thấy đắng mới là kỳ sĩ chân chánh. Lúc ấy gặp trời lạnh, vua ban nước rau cần cho Quả. Quả uống hết ba đấu, vẻ mặt ngây ngất như người say rượu, quay qua nói với tả hữu:

- Đây không phải là rượu ngon!

Lát sau Quả lấy gương soi thấy răng mình đen xì, bèn sai tả hữu lấy gậy sắt Như ý đập gãy hết răng. Quả lấy thân được thoa vào rồi leo lên giường. Chỉ trong nháy mắt, răng của ông mọc nguyên trở lại trắng đẹp vô cùng. Lúc này vua mới tin.

Vua định gả công chúa cho ông, ông biết trước hết lời chối từ, cuối cùng tránh được. Sau đó ông khẩn thiết xin về núi. Vua hạ chiếu nói:

“Tiên sinh Trương Quả ở Hằng châu là bậc du sĩ xuất thế, dấu tích cao vời, thâm nhập huyền thuật. Trước đây ông trà trộn trong dân gian,

đáp lại chiếu vua vào thành yết kiến, nhưng chẳng ai lần tìm được số mạng ông là bao nhiêu. Có thể nói ông chẳng khác nào Phục Hy thượng nhân. Hỏi về đạo lý, ông hiểu biết thấu đáo. Nay đặc biệt gia ân tự do vào triều, hoàng thượng rất sủng ái ban phẩm lộc như Ngân thanh quang lộc Đại phu, ban hiệu là Thông Huyền Tiên Sinh.

Năm đó Trương Quả vào ẩn thân trong Hằng sơn, từ đó về sau chẳng ai thấy ông nữa.

23. Tam tạng Vô Úy thị tịch: (Ất Hợi)

Năm thứ hai mươi ba, Tam tạng Vô Úy thị tịch, thọ chín mươi chín tuổi. Vua hạ chiếu sai Hồng Lô Thừa Lý Hiện lo liệu tang lễ, an táng và dựng tháp ngài tại Quảng Hóa thuộc Tây sơn Long Môn. Ngài vốn thuộc dòng Thích, hậu duệ của Cam Lộ Phạm Vương. Ngài nhường ngôi xuất gia, đạo đức và thanh danh của ngài đứng đầu ở Thiên Trúc. Mỗi lần giảng pháp đều có điềm linh ứng hiện. Đầu tiên ngài giảng Giá na kinh tại nước Ô Trà, lúc ấy chúng hội có thấy bốn chữ Tỳ-lô-giá-na bằng vàng trên hư không, ai nấy đều đứng dậy xếp hàng chấp tay cung kính, lát sau không thấy đâu nữa.

Có lần đi qua Long hà, một con lạc đà chở kinh bị nước cuốn, ngài sợ mất kinh, liền lội theo lạc đà xuống dưới nước sâu, thế là Long vương liền mời ngài vào cung giảng pháp, ngài không hứa khả, Long vương chỉ thành thỉnh mãi cuối cùng ngài đi. Long vương giữ ngài ba đêm mới cho ngài về, những bản kinh Phạm ngữ ấy chẳng hề ướt một chữ. Những việc thần dị của ngài đại loại như vậy.

24. Tam tạng Bất Không hàng phục voi điên:

Năm này, Tam tạng Bất Không theo A-xà-lê Phổ Hiền ở nước Sư Tử cầu học cách lập đàn Đại Bi Thai Tạng và thỉnh sư khai mười tám hội Kim Cang Quán Đảnh. Một hôm quốc vương nước này đang điều phục voi, bỗng nhiên đàn voi lồng lên chạy tứ tán, chẳng ai dám truy cản. Khi ấy Bất Không ngồi ngay ngã tư đường, đàn voi chạy đến trông thấy ngài đột nhiên phủ phục xuống đất, sau đó bỏ đi. Từ đó cả nước tôn kính ngài như thần.

Luận rằng: “Từ khi Phật pháp truyền sang phía Đông, chư Tăng đều dùng những việc thần dị để giáo hóa. Những việc làm ấy công hạnh đều thuần thực, kế hợp với nguồn tâm, lưu xuất từ trí giác là việc làm của Thánh nhân chứ hoàn toàn không phải do phù chú huyền thuật. Từ thời Đông Tấn, Thi lợi mật xuất hiện, tuyên dịch thần chú, nhưng thật

ra mà nói những thần chú ấy chẳng qua là cúng tế quỷ thần, xua đuổi tà ma, tiêu tai giải nạn cho con người mà thôi. Trong thời gian đó cũng có không ít kẻ mạo danh Tỳ-kheo từ nước ngoài vào dùng huyền thuật hù dọa người ngu. Chẳng hạn như La-hán pháp, Chánh công, chỉ là những phép tà ma hạ liệt, giống như phép của Lôi công bên Đạo gia. Lễ đầu đó là pháp thuật mà những bậc tông sư đạo cao đức trọng, những bậc giáo chủ rừng thiền lưu tâm đến ư.

Đến niên hiệu Khai Nguyên, ba Đại sĩ là Kim Cang Trí, Vô Úy, Bất Không người Tây Vực mới bắt đầu hoằng truyền Mật tông. Họ là những bậc tài cao đức trọng, là bậc chí tôn chánh chân, cho nên thần lực của họ ngang bằng với sức tạo hóa. Bởi vì ba đại sĩ ấy tuy hoằng truyền Mật tông nhưng đã là những người thấu triệt được tự tâm, việc làm lưu xuất từ thánh trí. Ba vị ấy từng lấy làm tiếc một sự việc mà trong Tư Trị Thông Giám đã viết. Chuyện rằng: Trong niên hiệu Trinh Quán có vị Tăng từ Tây Vực sang rất giỏi chú thuật có thể làm cho người chết ngay, sau đó làm cho sống lại. Thái tông mới gọi một tráng sĩ trong đám phi kỵ đến thử, quả nhiên đúng y như vậy. Nhân đó vua hỏi Phó Dịch. Dịch nói:

- Đó là tà thuật. Thần nghe tà không làm gì được chánh. Xin bệ hạ cứ sai thử nghiệm nơi thần sẽ biết.

Vua liền sai vị Tăng ấy chú thuật phù phép Phó Dịch, Dịch chẳng có cảm giác gì, ngay lúc ấy vị Tăng bị ngã quay nằm chết cứng trên đất và không sống lại nữa.”

Đó là những lời đồn đại bẻ cong sự thật. Vì sao vậy? Bởi vì giả sử việc ấy có thật, thì tăng ấy không phải là Tăng chân chánh, phù chú cũng là tà ma. Có thể nói đó chỉ là tà thuật mà thôi. Thế nên điều đó không đủ chứng cứ để bôi xấu đạo pháp của ta được. Dù có dẫn chứng muôn ngàn lý lẽ cũng không thể có sự việc ấy được. Giả sử ông ấy từ Tây Vực lặn lội đến Trường An, pháp thuật của ông ta có thể làm cho người chết rồi làm cho họ sống lại, nhưng không lẽ ông ta lại không biết bảo vệ thân mình ư? Với một người bình thường, vô cớ làm cho ông ấy ngã lăn ra đất chết, thì dù trẻ con cũng không tin được.

Hơn nữa tuy lúc đó ba vị Đại sĩ này chưa đến Trung Quốc, còn như những bậc Đại đức Tăng trong kinh thành như Tuệ Thừa, Huyền Uyển, Pháp Lâm, Minh Thiệm lẽ đâu chịu ngồi yên nhìn ngụy Tăng từ nơi khác đến phá hoại giáo pháp sao? Không xin trừng trị đích đáng lại để cho vua sai Phó Dịch thử nghiệm để phân biệt chánh tà ư.

Phật chế giới luật, dù là cỏ cây rong rêu còn không cho Tỳ-kheo

giảm đau vì sợ rằng làm tổn hại thân mạng chúng, huống gì nói đến chuyện đoạt thân mạng kẻ khác, lưu truyền phù chú cho đời. Thế nên tôi cho rằng, những lời đồn đại bóp méo sự thật đã quá rõ rồi.

25. Sa-môn Pháp Tú cúng y cho chùa Hồi hương:

Mậu Dần: Bắt đầu dựng các trường học trong các châu quận. Năm thứ hai mươi sáu, Sa-môn Pháp Tú nằm mộng thấy vị Tăng khuyển mình đem năm trăm y ca-sa cúng cho chúng Tăng trong chùa Hồi hương. Tỉnh dậy, ngài lấy làm lạ, nhưng cũng xin tiền may đủ năm trăm cái y, nhưng ngài đi hỏi khắp nơi nhưng chẳng ai biết chùa Hồi hương ở đâu cả. Hôm nọ giữa đường ngài gặp một vị Tăng đi về phía mình, hỏi ngài:

- Thầy may y ca-sa đến nay xong chưa?

Ngài đáp:

- Xong rồi.

Vị Tăng nói:

- Ta sẽ dẫn ông đến chùa Hồi hương. Ông mang y và đồ lấy lửa đi theo ta.

Ngài đáp:

- Dạ vâng!

Sáng sớm hôm sau, ngài theo vị Tăng ấy vào núi Chung Nam. Đi hết hai ngày bỗng đến một nơi thanh vắng lạ thường, chỉ thấy mây quyện mọi vật, đường núi cheo leo, hai người đi tới ngôi trên phiến đá. Vị Tăng ấy bảo ngài mài đá lấy lửa, đốt hương nhìn lớp khói mây ấy lễ lạy. Đột nhiên lớp mây vén ra, lưng chừng núi bỗng xuất hiện một ngôi bảo sát với tràng phan phát phới trong gió, ẩn mình sau ngạch cửa màu đỏ. Ngài mừng rỡ liền cùng vị Tăng bám vách núi leo lên. Đi gần lên, ngài ngửi thấy mùi cơm thơm ngào ngạt cùng thấy chuông mõ giao xen nhịp nhàng với nhau. Lát sau ngài nhìn thấy toàn cảnh ngôi chùa, trên có tấm biển viết hai chữ Hồi Hương. Vị Tăng ấy đi thẳng vào bên trong, sai người gác cửa sắp xếp chỗ ăn ở cho ngài. Lát sau ngài mặc áo đắp y đến chào vị Trưởng lão Phương trượng, kẻ đó gặp chư Tăng, ai nấy đều kỳ vĩ oai nghiêm đến chào hỏi ngài. Hôm sau, Pháp Tú đem ca-sa cúng dường khắp chư Tăng trong chùa. Khi Trưởng lão đáp lễ xong, dẫn ngài vào một căn phòng trống và gọi thị giả đem nhạc cụ đến. Thị giả liền đem đến một cây tiêu bằng ngọc. Trưởng lão nói:

- Đây là gian phòng mà trước đây thiên tử nhà Đường từng ở. Do thích âm thanh của loại nhạc cụ này nên ông ấy thác sinh xuống làm Đế vương, không lâu cũng sẽ quay về.

Pháp Tú lưu lại hai đêm rồi xin về. Trưởng lão đưa ngài cây tiêu, y ca-sa và dận:

- Thầy đem cây tiêu này về dâng cho thiên tử nhà Đường.

Trưởng lão sai vị Tăng tiến ngài xuống núi. Ra khỏi chùa chưa xa, ngài nhìn lại thì thấy mây sương bủa quanh tứ phía, Pháp Tú than tiếc rồi quay về. Ngài vào cung dâng món quà mà Trưởng lão ấy gởi. Vua nhìn thấy, liền cầm ngọc tiêu thổi âm thanh trong trời, đúng tiếng tiêu mình từng được nghe. Sau này trong những buổi yến tiệc tại sân rồng, vua triệu Lý Bạch vào làm thơ, còn mình thổi ngọc tiêu, Dương Quý phi khiêu vũ. Tiếng tiêu trầm bổng, điệu vũ lả lướt chẳng khác tiên đi.

Kỷ Mão: Phong Khổng Tử làm Văn Tuyên vương (Ngồi quay mặt về Nam như ông Cồn, đội mũ miện như mười vị Hiền triết, lại vẽ bảy mươi hai người hiền treo trên vách miếu).

26. Lý Trưởng giả soạn Hoa Nghiêm Hợp Luận: (Canh Thìn)

Trưởng giả Lý Thông Huyền là con cháu nhà Đường, ông mất năm Khai Nguyên thứ hai mươi tám. Năm thứ bảy, ông đến huyện Mạnh ở Thái Nguyên, Cao Tiên Nô biết ông là bậc Đại hiền liền mời về ở nhà mình. Mỗi ngày ông chỉ ăn mười quả táo và một cái bánh lớn, cả ngày chỉ ngồi mài mực viết lách, chẳng giao tiếp với ai. Qua ba năm như vậy, sau đó ông qua dựng một cái thất bên cạnh ngôi chùa cổ trên đất họ Mã. Cả ngày ông chỉ ngồi tĩnh tọa mà thôi. Mười năm sau, bỗng nhiên một hôm ông xách đũa kinh sách ra đi. Đi được hai mươi dặm, bỗng gặp con hổ, con hổ từ từ nằm phủ phục xuống, ông vỗ lưng nó và nói:

- Ta định viết bộ luận giải thích kinh Hoa Nghiêm, người có thể tìm giúp cho ta một chỗ ở được không.

Rồi ông đặt túi kinh trên lưng con hổ và đi theo nó. Đi đến trước một ngôi tháp ở núi Thần Phước, con hổ không đi nữa, ông bèn mang túi kinh vào ở trong tháp, con hổ vẫy đuôi đi mất. Ngôi tháp này thoáng mát sạch sẽ, rộng chừng sáu, bảy khuỷu tay, bốn bên trên dưới đều cân xứng nhau. Mái che bên trên tuy thấp nhưng rất hợp lý, sức người không thể làm nổi. Đêm mà ông viết luận, tâm trí bỗng nhiên bừng mở, thấu tận diệu lý, miệng phóng ánh sáng thay cho đèn đuốc. Lúc ấy bỗng thấy xuất hiện hai đồng tử một nữ một nam, mặt mày tuấn tú, khoảng tuổi cập kê, ăn mặc rất đẹp lại có khăn quấn đầu. Hằng ngày hai đứa trẻ này múc nước suối, đốt hương mài mực, xếp giấy cho ông. Cứ sáng sớm là bưng thức ăn đến đặt trước ông. Ăn xong chúng bưng mâm bát đi đâu ông cũng chẳng biết. Như vậy đến năm năm, đến khi Trưởng giả viết

xong luận thì cũng không còn thấy chúng đâu nữa. Diện mạo của ông rất đẹp, râu tóc trắng phơ, cặp mắt quắc thước, môi đỏ như son, nước da hồng hào. Ông đội mũ bằng vỏ cây hoa, mặc áo bằng vải gai, quần dài ống rộng thắt lưng đi khắp đó đây, chẳng gì trói buộc. Ngày nọ ông xuống núi, gặp một gia đình tổ chức tiệc linh đình, ông đi vào và nói:

- Quý vị ở lại vui vẻ, ta đi đây!

Mọi người thất kinh chẳng hiểu ông đi đâu. Có người tiễn ông về núi, đến ngôi tháp đó ông tạ ơn rồi bảo người ấy quay về. Ngay đêm đó, khói mây quần quện, núi non chấn động, có hai con hạc trắng bay lượn trên không kêu rất thảm, muôn thú khác kêu gào thảm thiết khắp cả núi rừng.

Sáng sớm hôm sau, người trong làng cùng đến thăm ông, thì thấy ông đã ngồi thẳng thị tịch trong tháp, thọ chín mươi lăm tuổi.

Tác phẩm của ông gồm có Hoa Nghiêm luận bốn mươi quyển, Quyết Nghị luận bốn quyển, Hội Thích hai quyển, Thập Môn Huyền Nghĩa Bài Khoa Thích Lược và Duyên Sách Giải Mê Thập Môn luận mỗi loại một quyển, cùng những kệ, tán, thi, phú nói về Thập Huyền Lục Tướng, Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Hoa Nghiêm Duyên Quán. Người trong làng bèn đem về an trí tại thệ Đa-lan-nhã trong núi này. Đến niên hiệu Đại Lịch, Sa-môn Siêu quảng mới tìm được, liền lưu hành khắp nơi.

27. Thiên sư Thanh Nguyên Hành Tư:

Tháng mười hai, Thiên sư Thanh Nguyên Hành Tư thị tịch. Sư họ Lưu, quê ở An Thành, Kiết châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Đầu tiên Sư đến yết kiến Lục tổ và hỏi:

- Phải làm gì để không rơi vào giai cấp?

Tổ hỏi lại:

- Ông từng làm gì?

- Thánh đế cũng chẳng làm.

- Vậy rơi vào giai cấp nào?

- Thánh đế cũng chẳng làm, làm gì có giai cấp để rơi.

Tổ thâm hứa khả. Sau đó sư qua ở tại núi Thanh Nguyên. Có ông Sa-di Hy Thiên đến yết kiến, Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

- Con từ Tào Khê đến.

- Đem được cái gì đến?

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Mặc tình dùng đi, đến Tào Khê làm gì?
- Nếu không đến Tào Khê, làm sao biết chẳng mất.

Hy Thiên hỏi:

- Đại sư Tào Khê biết Hòa thượng không?
- Nay ông biết ta không?
- Biết, nhưng làm sao biết được?

Sư nói:

- Loài có sừng tuy nhiều, nhưng một con lân đã đủ.

Hôm khác sư hỏi Hy Thiên:

- Ông từ đâu đến đây?
- Con từ Tào Khê đến.

Sư dựng đứng cây Phất tử hỏi:

- Tào Khê có cái này không?
- Chẳng những Tào Khê mà Tây Thiên cũng không.
- Ông từng đến Tây Thiên rồi ư?
- Nếu đến thì có.
- Chưa đúng, hãy nói lại đi!

- Hòa thượng cũng phải nói giúp một nửa, chớ hoàn toàn tin vào người học.

- Chẳng từ chối nói giúp cho ông, chỉ sợ sau này không có người đảm đương thừa kế.

Một hôm, Sư sai Hy Thiên đem thơ sang Thiền sư Nam Nhạc, Sư dặn:

- Ông đem thơ xong về ngay, ta có chiếc búa nhỏ cho ông ở trong núi.

Hy Thiên đem thơ đến, chưa trình thơ đã hỏi:

- Khi chẳng trọng tánh linh của mình, chẳng cầu tìm chư Thánh thì thế nào?

Thiền sư Hoài Nhượng nói:

- Ông hỏi tốt trên cao, sao không hỏi dưới thấp?
- Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân, chẳng mền mộ chư Thánh giải thoát.

Hoài Nhượng không hỏi nữa. Hy Thiên trở về, Sư hỏi:

- Ông về rất mau, thư đến không?
- Tin cũng chẳng thông, thư cũng chẳng tới.
- Là thế nào?

Hy Thiên kể lại chuyện gặp Thiền sư Hoài Nhượng, rồi nói:

- Khi Hòa thượng có hứa cho chiếc búa, tiện đây xin lấy.

Sư liền duỗi một chân, Hy Thiên lay tạ. Sau đó Hy Thiên từ giã sư qua tu núi Thạch đầu, đó là Hòa thượng Thạch Đầu Hy Thiên sau này. Sau khi sư quy tịch, môn nhân đều tôn sư là Tổ thứ bảy.

28. Thiên sư Phổ Tịch, trụ trì chùa Hưng Đường thị tịch:

Thiên sư Phổ Tịch trụ trì chùa Hưng Đường ở kinh đô thị tịch. Cựu Đường sử chép:

“Sư họ Mã quê ở Hà Đông. Thuở nhỏ đi tham học Kinh Luật với các bậc Cao Tăng ở khắp nơi. Sư thờ Thần Tú suốt sáu năm. Thần Tú thấy sư là bậc kỳ tài liền truyền hết mỗi đạo cho Sư. Thần Tú vào kinh đô, nhân đó tiến cử sư với Tắc Thiên, và sư được chiếu vua thế độ làm Tăng. Sau khi Thần Tú mất, những người mến mộ đạo pháp đều tôn thờ sư. Trung Tông nghe danh đức của sư liền hạ chiếu thỉnh sư thay Thần Tú quản lý đồ chúng. Khai Nguyên năm thứ mười ba, vua hạ chiếu thỉnh sư qua ở tại Đô thành. Bấy giờ, Vương Công, sĩ thứ đua nhau đến yết kiến, cầu học. Tính sư cẩn trọng, ít nói, người ta chưa bao giờ thấy Sư lộ vẻ hân hoan trên khuôn mặt, vì vậy xa gần càng tôn kính Sư hơn.

Lúc Sư thị tịch, tất cả những người từng yết kiến Sư trong khắp kinh thành đều để tang như một đệ tử thực thụ. Vua ban sư hiệu Đại Chiếu Thiên sư. Ngày an táng, Bùi Khoan và vợ con ông ấy đều mặc tang phục quỳ lay trong hàng môn đồ pháp quyến. Quan dân đông nghịt cả thành, khóc tiễn sư, chợ búa không đông đến mấy ngày”.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

29. Quan chiêm sự của Thái tử là Nghiêm Đĩnh Chi mất:

Tháng chín, quan chiêm sự của Thái tử là Nghiêm Đĩnh Chi mất. Ông ấy là người có tiết tháo, nhiều lần được triều đình trưng dụng, thanh danh và công trạng vẻ vang, muôn dân trong thiên hạ đều muốn tiến cử ông làm Tể tướng. Vua cũng biết ông là người hiền tài, muốn tiến cử. Về sau ông bị Lý Lâm Phủ lấn quyền hiếp đáp, nên cuối cùng không có cơ hội thi thố tài năng. Khi ấy, ông ghi trước trong bia mộ rằng:

“Thiên Bảo năm đầu, Đĩnh Chi được Thứ sử Giáng Châu dâng sớ xin vua trưng dụng, thiên ân hứa khả. Sau cho về dưỡng bệnh, đồng thời giao trách nhiệm đảm sự cho Thái tử. Trước sau làm đến ba mươi lăm chức quan, mỗi khi nhận được thánh ân, thần thường hổ thẹn thấy mình không xứng đáng. Thần không tận tâm tận lực phò giúp nước nhà, nào dám mong được hồng ân ban phát. Nay bảy mươi tuổi rồi, không còn làm được gì nữa, may được Hoàng thượng và quan lại mến thương.

Tháng chín năm đó, thần nhuốm bệnh ở Tư Đệ, Lạc Dương. Ngày đó, tháng đó sẽ được an táng bên cạnh của Hòa thượng Đại Chiếu. Tận trung thờ vua được ghi trong sử sách, gắng sức giúp nước mới để tiếng cho đời sau, còn như thần chỉ là kẻ trong thôn xóm, nên tự ghi cho mình, dùng văn chương tô điểm cho đẹp mà làm gì.

Hồi ấy, Đĩnh Chi thờ Thiên sư Đại Chiếu, ông am tường kinh luận. Lúc được an táng bên cạnh tháp của Thiên sư Đại Chiếu, xuất hiện những điềm lành biểu thị rằng ông không quên ân đức của Thiên sư. (Xin xem trong Cự Đường sử)

30. Vua hạ chiếu mời Thiên sư Bồn Tịnh vào cung:

Quý Mùi: Vua sai Trung sử Dương Đình Quang vào núi Tư Không hái dây Thường xuân. Nhân đó Quang tìm đến chùa Vô tướng yết kiến Thiên sư Bồn Tịnh. Quang thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu, cúi xin Hòa thượng Từ bi tóm tắt chỉ dạy.

Sư nói:

- Những bậc thạc đức của Thiên tông trong thiên hạ đều quy tụ về kinh thành, thiên sư nên về triều thưa hỏi mới biết đủ được. Bần đạo ở nơi hốc núi suối khe này không có chỗ dụng tâm.

Quang lại lạy tiếp. Sư nói:

- Thiên sư đừng lạy bần đạo nữa. Thiên sư muốn cầu Phật hay muốn hỏi đạo?

Quang thưa:

- Đệ tử ngu muội chưa rõ Phật và đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư nói:

- Nếu muốn cầu Phật, ngay tâm là Phật, nếu muốn hiểu đạo không tâm là đạo.

Quang hỏi:

- Thế nào là ngay tâm là Phật?

Sư đáp:

- Phật do tâm mà ngộ, tâm do Phật mà bày, nếu ngộ được không tâm thì Phật cũng chẳng có.

Quang hỏi:

- Thế nào là không tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tâm, không tâm nên gọi là đạo. Nếu rõ được không tâm, thì không tâm chính là đạo.

Đình Quang quỳ lạy nhận lãnh. Về triều Đình Quang tâu vua toàn

bộ sự việc trong núi. Vua liền sai Đình Quang đem chiếu chỉ đến thỉnh sư. Tháng mười hai năm đó, Sư vào kinh thành, ở tại chùa Bạch liên.

Ngày rằm tháng giêng năm sau, vua thỉnh tất cả những bậc danh Tăng thạc đức vào đạo tràng trong cung cùng Sư xiển dương Phật lý.

Thiền sư Viên hỏi Sư:

- Theo chỗ thấy của Thiền sư, ngài lấy gì làm đạo?

- Không tâm là đạo.

- Đạo do tâm mà có, sao bảo rằng không tâm là đạo?

- Đạo vốn không có tên gọi, do nơi tâm mà gọi là đạo. Nếu có tâm và tên gọi thì đạo không rộng suốt như vậy. Tội tâm đã không, thì đạo từ đâu mà lập? Cả hai đều hư vọng, đều là giả danh.

- Thiền sư thấy có thân tâm là đạo phải không?

- Thân tâm Sơn tăng xưa nay là đạo.

- Mới vừa nói không tâm là đạo, bây giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, lẽ đâu không trái nhau?

- Không tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói không tâm là đạo. Thân tâm từ xưa nay là đạo, đạo cũng chính là thân tâm. Thân tâm vốn đã là không, đạo rốt cuộc cũng không có.

- Xem hình thể Thiền sư rất nhỏ, làm sao hiểu được lý này?

- Ông chỉ thấy tướng của Sơn tăng mà không thấy cái không tướng của Sơn tăng.

- Xin Thiền sư ở trên tướng nói cái không tướng!

Sư đáp:

- Kinh Tịnh Danh nói: “Bốn đại không chủ, thân không có ngã, cái thấy không ngã tương ứng với đạo. Nếu Đại đức cho bốn đại có chủ có ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp cũng không thể nhập được đạo.

Viên nghe, hổ thẹn rút lui. Có đến bảy người cùng đến luận đạo như Viên, Sư đều ứng đối biện luận thông suốt. Vua và bốn chúng đều hết lời tán thán Sư.

31. Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng: (Giáp Thân)

Năm thứ ba, Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng thị tịch. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, danh Nho Trương Chính Phủ viết bài văn bia rằng:

“Thiên Bảo thứ ba, Quán Âm Đại sư thị tịch ở Hành Nhạc, thọ sáu mươi tám tuổi. Tăng lạp bốn mươi tám hạ. Thiên Hòa thứ mười, đệ tử Đạo Nhất nói với môn nhân: Mang cái hoài bão sáng ngời, rộng lớn, nhiều kiếp thay hình, cây trên tháp đã lớn, sợ dòng pháp đoạn dứt nên

ngài thường dặn dò lo lắng cho hậu học. Hoài bão lớn lao là mong xiển dương tổ đức, bèn đem cái công hành sáng ngời gởi trong lời văn, tạm nói cái không dấu vết để ủy thác nối trần trở không bờ bến. Từ khi Ma-đăng, Trúc Pháp Lan diễn thuyết đại giáo ở Đông độ đến nay đã ngàn năm rồi, Đạt-ma truyền tâm tông đến đời thứ sáu thì phân thành hai tông. Không dẫn kẻ sơ cơ đón nhập Phật tuệ, giáo chỉ của Tào Khê cứ thế mà truyền, hoàng dương mà lại tin, Quán Âm chính là người này.

Sư họ Đỗ, húy là Hoài Nhượng, quê ở Kinh Triệu, tổ tiên của sư sống ở An khương (tức Kim châu ngày nay). Tuổi còn để chỏm, Sư đã tỏ ra là người thông minh xuất chúng, những gì đã nghe qua, Sư đều nhớ vanh vách, thường ở trong nhà không thích chạy giỡn với những đứa trẻ khác, ở trong đám tạp dờ mà chẳng hề bị nhiễm ô. Có lần sư ngồi nhìn mặt nước, nhân đó thấy bóng mình sắc diện uy nghiêm hiện rõ như trong gương. Sư khuấy nước ba lần, nhưng nhìn lại vẫn thấy mình uy nghiêm như vậy, trong lòng hồ hởi như nhận ra điều gì đó, Sư liền quay về nhà. Đi được mấy bước, bỗng nghe trong hư không có người nói với sư: “Cửa ngõ Phật pháp đợi ông mở mang, đã nhận lời phó chúc sao ông chẳng gắng sức.” Sư liền cất ái phát tâm xuất gia. Sư cho rằng Luật tạng ở Kinh châu hoàn bị, nên liền đến đó tham học với Đại sĩ Trí Kinh. Sư là người đỉnh đặc nhất, đứng đầu trong học chúng. Sư cho rằng nguồn thiền vốn ở Tung nhạc, nên liền đến đó tham học với Trưởng lão Trường an. Sau khi đắc pháp, thân tâm vượt khỏi trần lao, ngao ngán văn tự, thích tu thiền quán. Sư đi khắp nơi để tìm cầu danh sư, có người bảo sư nên đến Tào Khê. Hồi ấy Đại sư Tuệ Năng đang hoàng hóa, học giả đều quy hướng, đã có mười ba người đắc pháp, mười một người hiện là thượng thủ trong pháp đường. Sư thấy mình là hậu học, nhỏ tuổi nên ngồi ở cuối pháp tịch. Sư nghe pháp trong lòng rỗng rang như chẳng nhận điều gì, khéo léo bịt tai như sợ nghe điều gì đó. Tuệ Năng thấy lạ, bèn dẫn sư lên ngồi ngay bên phải. Thấu được một âm mà thổi đến muôn vật, suốt được tâm tông tràn khắp đại thiên, cùng tổ luận bàn, lạ thay đều khế hợp. Được nhận diệu pháp, rồi làm tông sư. Sư qua Vũ Đang ẩn tu mười năm, sau qua Hành nhạc ủy thác thắng trí Bát-nhã. Nơi đây có đạo tràng Quán Âm, Sư thường ở nơi ấy, nên người gọi sư là Quán âm Đại sư. Có lúc dùng lời lẽ nhiệm mầu để phân tích lý, có khi làm một biện sĩ mà bịt miệng người hỏi, có lúc dùng đến trượng dệp. Sư lưu trú trong núi rừng, điềm linh thường hiện trong mộng. Xa như Lương châu Ích châu, gần như Kinh châu, Ngô quận ai nấy đều vượt sông băng suối đến cầu học, chẳng khác nào Thánh hội trên Linh sơn ngày xưa.

To lớn thay! Xưa nay chưa từng được nghe! Một vị đã kiến tánh cùng đức, hoằng giáo khắp Chung, Lãng đáng bậc danh gia, lại xiển dương tông chỉ ban pháp khắp mọi người. Kế thừa tâm tông, khuôn phò xã tắc, đến lúc xả thân, trọn ở núi này, nêu tỏ thần quang để khai mở hậu thế. Những đệ tử đặc pháp sẽ được nêu ở phần sau. Đủ thấy giáo pháp ta đã mở mang rộng lớn.”

32. Vua hạ chiếu mời Đạo sĩ Ngô Quân vào hỏi đạo:

Ất Dậu: Lập Dương Thái Chân làm Quý phi.

Năm này Đạo sĩ Ngô Quân được vua triệu vào điện Đại Đồng để hỏi đạo. Quân đáp:

- Sâu xa với đạo không gì bằng năm ngàn lời của Lão tử, ngoài ra chỉ toàn là thứ hư vọng tạp nhạp mà thôi.

Sau vua hỏi về thần tiên và cách luyện phép. Quân nói:

- Đó là việc làm của dân thường, phải qua nhiều năm tháng tìm cầu, bậc nhân chủ lưu tâm làm gì.

Mỗi lần trần tấu, Quân đều bàn đến việc dạy đời, thường khéo léo tâng bốc thiên tử, thiên hạ rất coi trọng ông ta. Sa-môn rất ghét gặp Quân, Cao Lực Sĩ trước đây thờ Phật, thường gièm pha Quân với vua. Quân biết liền từ giã vua về núi. Vua hạ chiếu lập đạo quán cho ông. Sau đời qua Mao sơn.

Khi ấy Quân thành kiến với Cao Lực Sĩ, bị Lực Sĩ gièm pha, nên văn chương của Quân bôi xấu Phật giáo thậm tệ, người đọc đều chê trách cho Quân bịa đặt. Lúc đó quan sát sứ Triết tây là Trần Thiệu Du rất ghét những việc làm của Quân, nhân đó mời Pháp sư Thần Hồ viết luận để đả phá. Thần Hồ viết Phiên Mê Luận để đính chính sự bịa đặt của Quân và lập luận của Quân bị bác bỏ. Cấp Sứ Trung là Đậu Thiệu đọc luận của Hồ bất giác khen:

- Hồ đáng được gọi là hạt Ma-ni ngoài cõi trần, là Sư tử trong Luận sư.

33. Bắt đầu định chế cấp từ bộ cho Tăng Ni: (Bính Tuất)

Tháng năm, vua hạ chiếu độ Tăng Ni, đồng thời sai Từ bộ cấp độ điệp. Ngày nay sở dĩ gọi là Từ bộ, vốn phát xuất từ đây.

34. Vua hạ chiếu thỉnh Bất Không thí pháp thuật với La Tư Viễn:

Năm này Tam tạng Bất Không từ Tây Vực về, vua triệu ngài vào

cung lập đàn quán đảnh cho vua. Vua ban ngài hiệu là Trí Tạng Quốc sư. Khi ấy Phương sĩ La Tư Viễn rất giỏi pháp thuật, được vua sủng ái. Vua có chiếu chỉ thỉnh ngài tỉ thí với Viễn để phân thắng thua.

Hôm khác tụ tập trong điện, Tư Viễn cầm hạt châu Như Ý đang luận bàn với ngài, bất giác ngài đi đến giạt hạt châu ném xuống đất rồi bảo Tư Viễn nhặt lên. Viễn cố hết sức nhưng nhắc không lên, vua định thò tay lấy. Bất Không cười nói:

- Sức của ba người đã rõ như hạt châu kia rồi.

Nói xong liền chìa hạt châu trong tay cho mọi người thấy, Tư Viễn khâm phục ngài rồi đi.

Mỗi lần cầu cúng Bất Không đều lập tòa Ngũ sắc, tay cầm tượng thần bằng gỗ rồi tụng chú, tượng thần tự đứng dậy ngay trên tòa. Bốn chúng thấy tượng cử động môi mắt. Những việc ngài làm vượt hẳn công tạo hóa, trong triều ngoài thành đều thờ ngài như Phật sống. Năm này có Phượng hoàng xuất hiện.

Tân Mão: Thế Tôn nhập diệt đã bảy trăm năm.

35. Thiên sư Huyền Tố trụ trì chùa Hạc Lâm thị tịch:

Nhâm Thìn: Kính sơn Đại sư Huyền Tố trụ trì chùa Hạc Lâm ở Nhuận châu thị tịch. Tả bổ Khuyết Lý Hoa viết văn bia rằng:

“Than ôi! Phẩm vị Bồ-đề sáu mươi một hạ, tuổi cha mẹ sinh là tám mươi lăm năm, người đến viếng tang làm sao nói hết. Đến nỗi có người lập hương án vọng ngài trên sông, hương về phía chùa mà than khóc. Trong vòng mười dặm, hoa tuôn như mưa, hương đồn thành mây, tràng phan bảo cái che kín mặt trời. Ngày hai mươi một tháng đó, bốn chúng đưa nhục thân của Sư về an táng tại Tây Nguyên trên núi Hoàng hạc. Những quan lại trong châu, áp đều mặc đồ tang khóc thương luyến tiếc, sông nước gợn buồn. Sư dời sang trụ tại chùa này làm tiếng tăm ngôi chùa lừng lẫy. Trong đêm thị tịch, cây ỷ, ngô đồng đều khô, hổ báo kêu gào bi thảm chấn động cả hang núi, người người đều ngậm ngùi, đất trời bỗng tối tăm. Đến khi đưa lên núi nhập tháp, gió mưa vẫn vũ, chim lành kín đất, hạc linh bay lượn. Hữu tình vô tình đều ngậm ngùi thương tiếc. Môn nhân là Pháp Cảnh, Pháp Hải nhận chiếu chỉ vua, dựng lập bảo tháp. Đệ tử Bồ-tát giới như cố Lại Bộ Thị Lang Tề Hàn, cố Hình bộ Thượng thư Trương Quân, cố Giang Đông Thái Phỏng sứ Lưu Nhật Chánh, cố Quảng Đông Đô đốc Lương Thăng, cố Nhuận châu Thứ sử Từ Kiêu, Vi Chiêu Lý, cố Cấp Sự trung Hàn Đình Thượng, cố Ngự sử Trung thừa Lý Đan. Sư là người được quan lại muôn dân trọng

vọng nhất từ trước đến nay. Đệ tử có lần nghe pháp ở Kính sơn giống như Nhạc Chánh, Tử Xuân được nghe giáo huấn của Phu tử. Rửa lòng ngưỡng vọng, trời Hán càng cao, môn nhân của Pháp Kính tỏ ngộ sâu xa diệu đạo của Sư. Sư xét đoán muôn việc, diển cổ bàn kim, công lao ngang với Thánh hiền. Đặt chí trong đạo lớn, thấy nghe tất cả. Sử nước Lỗ còn được ban bố, hưởng gì việc truyền tín tâm cho đời sau. Trong ấy nói:

*Luyện vàng mài gương
 Khổ công tôi luyện
 Công sức dũa mài
 Ai ai cũng thấy
 Ân nhuần muôn vật
 Quang minh biến khắp
 Giáo hóa hợp thời
 Cây cỏ đổi thay
 Dẫn kẻ điếc câm
 Chỉ là thầy ta
 Buông lời Thánh giáo
 Bỏ pháp phát bi
 Chí đạo chẳng đời
 Sóng gió tự chuyển
 Cảnh do tâm bắt
 Đạo phải tùy người
 Thâm nhập lẽ huyền
 Vào trong vô vi
 Tánh vốn chẳng dơ
 Trừ sạch làm gì
 Thân tâm vắng lặng
 Nghiệp chướng băng tiêu
 Sức trí vô tận
 Muôn cảnh nhất như
 Pháp vị cam lồ
 Bảo vật lưu ly
 Ban khắp đại thiên
 Không cùng không khác
 Độ người chưa độ
 Giáo hóa muôn duyên
 Cây đạo bỗng khô*

*Giờ Niết-bàn đến
 Thân ta không diệt
 Tùy duyên ở đời
 Trên điện kiết tường
 Ứng hóa chư Thiên
 Tháp linh lạng lẽ
 Sông chảy âm thầm
 Hằng sa kiếp hoại,
 Nguồn trí thường viên.*

36. Vua hạ chiếu lập đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên Vương:

Quý Ty: Bọn giặc cướp Tây Phiên vây Lương châu, vua mời Tam tạng Bất Không cầu âm binh đến cứu nguy. Bất Không tụng mấy biến Nhân Vương mật ngữ, bỗng thấy một vị thần mặc giáp trụ đến. Vua nhìn thấy hỏi ngài:

- Thầy ấy là ai thế?

Ngài đáp:

- Con trưởng của Bắc phương Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Bất Không tụng chú bảo vệ thần ấy đi. Mấy ngày sau, Lương châu cấp báo:

“Có thần binh đến, uy vũ hùng mạnh, bọn giặc cuống cuồng, cuốn giáp chạy dài”.

Vua mừng rỡ ra lệnh khắp thiên hạ, nơi nao có đóng quân đều phải lập đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên vương.

37. Pháp sư Tả Khê Huyền Lăng của Thiên Thai tông:

Giáp Ngọ: Pháp sư Tả Khê Huyền Lăng mất trong năm này. Ngài xuất gia trong niên hiệu Như Ý, theo Pháp sư Tông ở Cối Kê học Luật, theo Thiền sư Cung nghiên cứu tâm pháp, hành hạnh Đầu-đà. Đầu tiên, Thiền sư Tuệ Văn ở Nam Nhạc ngộ được tông chỉ Pháp Hoa rồi truyền cho Thiền sư Tuệ Tư. Tuệ Tư truyền cho Thiên thai Trí Khải, Trí Khải truyền cho Chương An Quán Đảnh, Quán Đảnh truyền cho Tấn Vân Trí Oai, Trí Oai truyền cho Đông Dương Tuệ Oai. Huyền Lăng theo học Tuệ Oai và được truyền trao tông này. Rừng sâu thẳm sơn là nơi đáng sợ, thế mà ngài đã một mình ở trong hang núi đến ba mươi năm, thường ngồi tham thiền bên Tả Khê, nhân đó người ta gọi ngài là Tả Khê Đại sư. Có lần ngài nói:

“Suối có thể tẩy sạch mọi ngu mê, mây mù có thể gỡ thân trong

trần thế. Ta sống ở đây thì cũng mất ở đây”.

Ngài dựng tinh xá tuy chật hẹp nhưng không đến nỗi tệ, chỉ đủ để quỳ lạy. Ngài thờ Thánh tượng Quán Âm. Nguyện sinh về Đâu-suất, gần gũi Phật Di-lặc. Tâm chẳng rời định, miệng chưa từng uống thuốc, có khi mặc áo rách, tuyệt thực, tự mình may vá, dùng tay bụm nước suối uống qua ngày, sưởi ấm bằng bông vải, đỡ dạ bằng nước bọt. Có người hỏi:

- Muôn hạnh đều không, khổ hạnh làm gì?

Ngài đáp:

- Vốn không khổ vui, do vọng tập thành nhân, chúng sinh trừ hết mê vọng, thì khổ hạnh của ta mới dứt.

Lại hỏi:

- Tự sống trong núi rừng thì vậy, còn trong xóm làng thì sao?

Ngài đáp:

- Hương thơm bắt rễ từ bờ biển, Như Lai thành đạo ở Tuyết sơn, chưa từng nghe trong làng mà cảm thấy thoải mái hơn ở ngoài.

Một hôm ngài nói với môn nhân:

- Ta đã thấu tỏ mối đạo ở Tây Thiên, muôn hạnh vô đắc, giới là gốc của tâm, các ông nên lấy giới làm thầy.

Nói xong, ngài thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Đệ tử được truyền tông chỉ gồm Thần Hồ, Huyền Tịnh, Pháp Đăng, Tiêu Biện, Trạm Nhiên... cả thảy mười người. Tả bổ khuyết Lý Hoa viết văn bia đại lược nói:

“Thiền sư dạy người không mệt mỏi, có thể nói không cô phụ chúng Tăng. Hơn bốn mươi năm chỉ đắp một y Uất-đa-la tăng, một cái tọa cụ trọn đời chẳng thay. Ăn thì không trọng ngon dở, ở thì tịnh thất chật hẹp, chẳng lật xem thánh giáo, chẳng tổn hao một ngọn đèn, chẳng chiêm lễ tôn nghi, chẳng bước suông một bước, ngài chỉ rỗng rạc tu tâm, oai nghi tế hạnh đều tương ứng với giới luật. Vì thế mà Sa-môn phương xa, Trưởng lão nơi gần, đến chật cả thất, như hơi ấm mùa đông, như bóng râm mùa hạ, chẳng mời mà tự đến.”

38. Tác phẩm Pháp Môn Nghị của Thiên thai tông:

Sau này có Hàn Lâm Lương Túc là người thấu hiểu chỉ thú của Thiên Thai. Túc có lần viết Thiên Thai Pháp Môn Nghị. Trong ấy nói:

“Người tu hành Phật pháp cốt phải nắm được ba điều trọng yếu đó là Giới, Định, Tuệ. Con đường này phát khởi từ tâm, thành quả diệu giác. Nó xuyên suốt cả ba thừa, đứng đầu trong muôn hạnh, đầy đủ sự

lý. Xưa Pháp vương xuất thế chỉ vì một đạo thanh tịnh, dùng một âm diễn nói pháp, cơ cảm không đồng nên thọ nhận cũng khác. Vì vậy trong năm thời có năm vị, nghĩa của Bán, Mãn, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đại, Tiểu có khắp các bộ, rải khắp các tông, nhưng rốt cuộc vẫn không ngoài nhất thật. Thế nên kinh nói: “Tuy nói vô số đạo, nhưng kỳ thật chỉ là Phật thừa”. Lại nói: “Mở cửa phương tiện, bày tướng chân thật, dẫn dụ để khắp căn cơ đồng vào tánh hải, diễn bày bằng pháp môn bất nhị. Tự tha cùng có, đồng đạt đến bí mật.” Đó là lý do giáo này hình thành”.

Từ khi Hạc Lâm thị tịch, dòng pháp chảy tràn khắp nơi, thần túc ẩn thì phân chia tông phái. Mỗi tông đều có cái nhìn khác nhau thành ra mâu thuẫn. Trong ấy lại có Tam-muội được nêu ra, tứ Y cùng xuất hiện, ứng cơ không đồng nên lập luận cũng khác. Do đó những bộ luận như Nhiếp Luận, Trì Địa, Thành Thật, Duy Thức cùng nhau hình thành. Bàn đến chẳng có chẳng không thì chưa thể nhất quán. Sau đó không lâu dòng pháp này tuôn chảy về Đông, người giảng pháp thường bị đóng khung trong chữ nghĩa, chẳng tự thoát ra được. Người tu thiền thì mờ mịt tánh tướng, chẳng dẫn ra được. Lại cho rằng cái này không phải cái kia, chưa chứng mà cho đã chứng, tuệ giải không tương ứng, thân khẩu không khế hợp. Thế là giềng mối chí đạo của pháp môn có lúc dường như bị đoạn tuyệt. Sau đó thì giáo pháp dần dần khôi phục trở lại. Những bậc lợi căn, lợi trí như Tuệ Văn, Tuệ Tư là những người nối tiếp kế thừa, nhưng sấm pháp vẫn chưa vang dội khắp nơi, nên tông chỉ này lại được truyền trao cho Thiên Thai Đại sư. Đại sư là bậc long tượng siêu ngộ, có cốt cách như Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Ngài tán thán luận của Long Thọ, đạt được cái kiến giải của Nam Nhạc. Sau đó dùng ba loại chỉ quán, hình thành nhân duyên của một vật. Bao quát vạn pháp ở trong tâm, diễn khai mười thừa trong tám giáo, thì giới, định, tuệ pháp quán không giả trung, đều rõ ràng minh bạch có thể y đó mà thực hành. Thế nên giáo không bỏ pháp, pháp không bỏ người, người không bỏ tâm, tâm không lựa hạnh, hạnh không chứng đắc, chứng đắc phải có tông, vì thế mà giáo môn của Đại sư rất thịnh. Bởi vì khi ngài còn sống thì sáng rực thiên hạ. Đế vương phải thờ làm thầy, khi ngài mất đi thì đạo chơi nơi Thánh cảnh gần gũi Phật Di-lặc, tự tại ứng thân chẳng khác Quán Âm, làm sứ giả của Như Lai, phẩm vị và tài trí của ngài đâu thể nói cho hết. Ứng tích trong cái không thật, nhưng lời lẽ nhiệm mầu chẳng hề rơi rớt, người học đủ sức hàng phục ngoại đạo hiển bày ba tạng. Huống gì nghe rồi suy nghĩ, suy nghĩ rồi tu, tu rồi tin, thì niềm tin này làm sao diễn bày

cho hết. Người được như vậy dù rằng chưa chứng, nhưng tôi cho rằng họ đã gần chứng. Người thời nay chánh tín rất ít, mà những người xiển dương Thiên tông nhiều khi bảo rằng không Phật, không pháp, chẳng ác, chẳng thiện, giáo hóa hạng trung cản trở xuống, có khác nào những người chạy theo ái dục, ra vào cửa quan, lại cho rằng những gì mình nói hoàn toàn không trái ngược. Thế nên những người tu theo chẳng khác con ngài đâm đầu vào lửa lớn, phá hang rồi chui vào ngỗng, mà đâu biết rằng dù ngỗng đến mục xương vẫn không ra khỏi được. Ý nguyện làm lợi ích nhưng thành ra tổn hại mà không hay, tai hại chẳng khác tà ma ngoại đạo.

Từ đó mà xét, thì đại giáo của tông này, phương tiện của giáo này, các tông trong thiên hạ ít có tông nào sánh kịp. Từ ngài Trí Giả truyền xuống được năm đời, đến nay Đại sư Trạm Nhiên trung hưng chánh giáo, đã từng nói như vậy, nên tôi phụ lục trong thiên này.

39. Huyện lệnh Lỗ sơn là Nguyên Đức Tú mất:

Lỗ sơn lệnh Nguyên Đức Tú mất trong năm này. Đức Tú tự là Tử Chi người Hà Nam. Thuở nhỏ mất cha, thờ mẹ rất có hiếu. Ông được tiến cử làm Tiến sĩ, không nỡ chối từ, nên công mẹ vào kinh sư. Mẹ ông mất, ông làm lễ tranh ở bên cạnh mộ, chích máu viết kinh Phật đến mấy ngàn lời. Viết xong thì cảm được mùi hương lạ quần quện mấy ngày mới tan. Thức ăn không dùng muối sữa; ngủ không dùng chiếu nệm. Vua điều ông đi làm Huyện úy Nam hòa, ông không đi. Khi mẹ ông còn sống thúc ông lấy vợ, nhưng ông chẳng chịu cưới. Có người bảo rằng không lấy vợ là làm dòng họ tuyệt tự, thì ông đáp: “Anh tôi có con, tổ tiên đã có người tế tự rồi, tôi lấy vợ làm gì nữa.”

Hồi ấy, con của người anh ông mất mẹ khi còn trong bọc vải, nhà nghèo không nuôi nổi vú nuôi. Đức Tú tự mình cho thành bé bú, bỗng đứng ông có sữa, đến lúc thành bé trưởng thành thì sữa cũng hết. Gia đình nghèo khó, ông xin làm Huyện lệnh Lỗ sơn. Làm quan cả năm chỉ thừa một sọt lúa, một tấm lụa để đem về quê. Ông thích núi sông ở Lục hỗn vắng vẻ, u nhã nên định cư ở đó. Trong nhà chẳng có kẻ hầu người hạ. Những năm mất mùa, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, uống rượu đánh đàn để tự giải khuây. Phòng Quản mỗi lần gặp ông đều than: “Nhìn nhà cửa của Tử Chi khiến cho tâm danh lợi của con người đều dứt sạch”. Tô Nguyên Minh có lần nói với mọi người: “Ta bất hạnh vì sinh vào thời suy loạn, nhưng không hận vì gặp được người như Nguyên Tử Chi”.

Lúc ông mất, trong nhà chỉ có đôi guốc và chiếc chõng tre xiêu

vẹo mà thôi. Em cùng họ của ông là Nguyên Kiết khóc thương thảm thiết. Có người nói:

- Việc gì mà không than khóc quá mức như vậy?

Kiết đáp:

- Ôi! Ông chỉ biết quá mức lễ nghi mà không biết vượt quá cái tình. Từ nhỏ Đại Phu vốn mồ côi, lớn lên phải tự lập, về già không ai chăm sóc, mất đi thì chẳng còn ai. Con người thường đắm trong danh lợi, thú vui, ân ái, còn Đại Phu thì không. Sáu mươi tuổi đầu mà chưa từng biết sắc dục, thấy gấm lụa nhưng từng cầu đủ, chối bỏ vinh hoa, chưa từng có miếng đất mười mẫu, căn nhà mười thước, đĩa hầu mười tuổi; chưa từng mặc gấm lụa, ăn thức ăn năm vị. Ta thương xót ông ấy chính là răn dạy cho những kẻ hoang dâm, tham nịnh, những kẻ luôn cúi cửa quan ham hố rượu thịt vậy mà thôi.

Luận rằng: “Các sách sử ghi rất nhiều truyện, nhưng chưa có quyển nào có một thiên ghi đức hạnh cao vời như thế này, Đường sử chép lại việc này ghi một vài người như họ Nguyên ở Lỗ sơn mà thôi. Nhìn đức hạnh và tiết tháo ông ấy, nghe những lời em ông ta nói, thì ông ấy quả là bậc Cao tăng rồi. Đứng giữa mấy ngàn người trong Đường sử, ông ấy quả là người kiệt xuất, nhìn lại quả đáng như vậy”.

Cựu Đường sử ghi:

“Ông ấy để tang mẹ, chích máu chép kinh Phật đến mấy ngàn lời, chép xong thì cảm được mùi hương lạ quần quện mấy ngày mới tan”. Nhưng Tân sử thì không ghi việc này. Lỗ Sơn để tang, việc làm của ông chí thành, chẳng biết Tống Cảnh Văn vì hiềm khích cái gì mà chẳng ghi. Nếu cho rằng ghét cầu phước với Phật, nhưng Phật chưa từng khuyến khích ông ấy, Lỗ Sơn tự mình làm mà chẳng nghi ngờ, thế vì có gì lại hiềm khích Phật? Nếu cho rằng thân thể do cha mẹ sinh ra không nên hủy hoại, thì sữa là việc của phụ nữ, người nam chẳng có. Nhưng Lỗ Sơn vẫn có thể chảy ra sữa để nuôi đứa con của người anh mình, lẽ đâu lại không có máu chép kinh để cầu phước cho mẹ ư? Cảnh Văn rất muốn bảo tồn danh giáo, thế nhưng trăm hạnh của người quân tử tuy khác nhưng đồng quy, thế tại sao cứ khăng khăng chuộng Nho mà ghét Phật giáo”.

40. Túc Tông:

Ất Mùi: An Lộc Sơn xin cho ba mươi hai tướng Phiên thay thế tướng Hán. Tháng mười một Lộc Sơn làm phản, mười lăm vạn binh cử đi Phạm Dương đều bị vây hãm ở Đông đô.

Bính Thân: Túc Tông tên là Hưởng, con thứ ba của Huyền Tông, khi Lộc Sơn làm loạn, Huyền Tông chạy đến đất Thục, tự lập Thái tử ở Phụng Tường, nhân đó ông lên ngôi đổi niên hiệu là Chí Đức. Lý Bí làm Tể tướng, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật có công bình định mối loạn. Ông mất năm năm mươi hai tuổi, an táng ở Kiến lăng, ở ngôi được bảy năm.

41. Huyền Tông chém đầu tượng vẽ là Thái thú Lã châu:

Tháng năm, nghịch tặc An Lộc Sơn vây hãm Trường An, Huyền Tông xa giá đến đất Thục. Có người nói, khi xa giá mới vừa vào đất Thục, quan thái thú cùng An Lộc Sơn làm phản. Người này từng làm Thái thú Lã châu, còn một tượng vẽ treo ở bên đường. Huyền Tông nhìn thấy không nén nổi tức giận sai thị thần dùng gươm chém đầu tượng vẽ. Người ấy đang ở Thiểm tây, bỗng nhiên đầu mình vô cớ rơi xuống đất. Khi vua xa giá đến thành đô, đi ngang cầu Vạn lý, vua bỗng tỉnh ngộ sức nhớ đến lời sấm trong hộp vàng của Nhất Hành, bỗng nhiên quên mọi ưu phiền.

Tháng bảy Hoàng Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, đó là Túc Tông. Trong vòng mười ngày binh lính của Tiết độ sứ các trấn dẫn nhau đến yết kiến cả mấy mươi vạn. Vua phong Phòng Quán làm Tể tướng, kiêm nguyên soái thống lãnh ba quân chinh phạt giặc loạn. Không bao lâu Quán bị An Lộc Sơn đánh bại, bấy giờ giặc cướp khắp nơi nổi lên. Có người khuyên vua nên lập đàn cầu phước. Vua mới hơn một trăm Sa-môn vào cung lập đạo tràng, ngày đêm tụng kinh chú. Đêm nọ vua mộng thấy một Sa-môn thân sắc vàng óng đọc tụng danh hiệu Bảo Thắng Như Lai. Tỉnh dậy, vua hỏi tả hữu, có người đáp: “Ở hang Hạ lan Bạch thảo có vị Tăng người Tân La tên là Vô Lộ, thường trì danh hiệu Phật này, rất có thần dị”.

Vua càng nghi ngờ, liền hạ chiếu thỉnh Vô Lộ triệu kiến. Ngài từ chối không đi. Vua liền sai Tiết độ sứ Quách Tử Nghi đem chiếu dụ đến thỉnh, Vô Lộ liền đến yết kiến. Vua thấy ngài thì mừng rỡ, vì đúng y như vị Tăng mình thấy trong mộng. Sau đó Tam tạng Bất Không cũng yết kiến vua tại đây. Vua giữ hai ngài lại và giao phó việc cầu cúng.

42. Bắt đầu thu tiền đột Tăng, Đạo: (Đinh Dậu)

Tháng Giêng con An Lộc Sơn là Khánh Chử sai Lý Trư Nhi giết Lộc Sơn rồi tự lập. Tháng chín, phó Nguyên soái Quách Tử Nghi phá được An Khánh Chử kéo quân về lại kinh sư. Tháng mười, vua từ Linh

vũ về. Tháng mười hai, Thái thượng hoàng từ Tây thực trở về. Sau đó không lâu, vua lập đạo tràng trong thành nội, thuyết giảng và tụng kinh chú rất miên mật. Tể tướng Trương Cảo can rằng:

- Phước của Thiên tử do chăm sóc muôn dân mà có, thống nhất đất nước, thay đổi phong tục. Thần chưa nghe chỉ một Phật sự nhỏ nhoi mà khiến cho đất nước thái bình, xin bệ hạ hãy để tâm trong vô vi, không nên để Tiểu thừa khuấy động thánh ý.

Vua không nghe, liền ra sắc lệnh trên Ngũ nhạc đều phải dựng chùa cho thật trang nghiêm, chọn những Sa-môn đức hạnh bổ nhiệm trụ trì. Cho phép những cư sĩ nào tụng được năm trăm trang kinh thì thế phát làm Sa-môn. Hoặc Sa-môn nào nộp đủ một trăm tiền thì được cấp Độ điệp. Khắp nơi trong châu huyện những người nộp tiền để được làm Sa-môn, Đạo sĩ lên đến hơn mười ngàn người. Việc tiến nạp phát xuất từ đó. Vua đổi niên hiệu là Càn Nguyên, gọi năm là Niên thay vì Tái. Sử Tư Minh giết An Khánh Chử, sau Minh lại làm phản.

43. Sa-môn Vô Lộ người Tân La thị tịch: (Mậu Tuất)

Ca Tăng Vô Lộ người nước Tân La thị tịch tại Hữu Cáp Môn trong năm này. Ngài chấp tay bay bổng lên hư không đứng cách đất hơn tám thước. Tả hữu báo cho vua. Vua nghe, thất kinh chạy ra xem. Ngài để lại biểu tấu xin được an táng ở hang núi năm xưa. Vua hạ chiếu hộ tống nhục thân ngài về nơi xưa dựng tháp an táng. Nhưng khi đến Hạ Viện ở huyện Hoài Viễn thì khiên không nổi kim quan. Thế là vua cùng tứ chúng dùng bột hương tẩm liệm, xây tháp an táng ngài tại Hạ viện.

44. Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tuệ Trung ở Nam Dương vào cung: (Kỷ Dậu)

Năm này vua sai sứ đến Tào Khê, Thiều Châu, thỉnh y bát của Lục tổ Tuệ Năng vào cung cúng dường, đồng thời hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tuệ Trung ở Nam Dương vào cung. Tuệ Trung người Chư Kỳ, Việt châu, là người được nhận tâm ấn của Lục tổ. Ngài tu ở hang động Đẳng Tử ở Nam Dương suốt bốn mươi năm chưa một lần xuống núi. Ngài từng nói với đồ chúng:

“Người học thiền tông phải theo lời Phật dạy, lấy Nhất thừa liễu nghĩa khế hợp với nguồn tâm chính mình. Những gì không liễu nghĩa thì đừng nương tựa, y cứ, nó chẳng khác trùng trong thân sư tử. Phàm làm thầy người khác nếu dính mắc danh lợi, bày trò dị đoan thì mình và người nào có ích gì. Như người thợ giỏi, búa rìu chẳng làm đứt tay họ.

Sức con voi lớn chuyên chở, con lừa không kham nổi”.

Khi được thỉnh vào triều, vua thỉnh ngài ở tại chùa Thiên Phước.

Một hôm vua hỏi:

- Thế nào là thân Điều Ngự?

Ngài đứng dậy hỏi:

- Hiểu không?

Vua đáp:

- Không hiểu.

Ngài quay lại nói với tả hữu:

- Đem tịnh bình đến đây cho Lão Tăng!

Vua lại hỏi:

- Thế nào là Vô tránh Tam-muội?

Ngài đáp:

- Đạn việt đập lên đỉnh Tỳ-lô mà đi.

Vua hỏi:

- Ý chỉ thế nào?

- Bệ hạ chớ nhận mình là Pháp thân thanh tịnh.

Vua nghe lại càng không hiểu. Sau đó vua trai giới, tắm gội sạch sẽ hỏi ngài mười câu:

1. Sau khi thấy tánh có cần bố thí làm phước không?

Ngài đáp:

- Trụ vô tướng mà bố thí thì khế hợp với kiến tánh.

2. Ngày đêm phải làm việc gì để khế hợp Đạo này?

- Vô công mà tu thì khế hợp.

3. Những lúc bệnh hoạn cần phải áp dụng đạo lý gì để tu?

- Phải vô công mà tu, thấu triệt được nghiệp vốn không thì đạt được Bất động chuyển.

4. Lúc lâm cung, làm sao để được tự tại vô ngại ở Thanh lương?

Ngài đem nỗ lực tự tin ở đạo để trả lời.

5. Lúc phiền não nổi lên làm cách nào diệt trừ?

- Bỏ tâm vắng lặng, phiền não trở thành diệu dụng.

6. Sau khi kiến tánh có cần giữ giới niệm Phật cầu sinh Tịnh độ không?

- Tánh chính là Phật, tánh tức là Tịnh độ.

7. Bồ thân này rồi thác sinh ở đâu?

Ngài đem nghĩa không xả, vô sinh tự tại để trả lời.

8. Khi lâm chung có đài hoa, bảo tòa đến tiếp dẫn không?

Ngài dùng không chấp tướng để trả lời.

9. Làm thế nào được thần thông đến nước Phật?

Ngài lấy việc kiến tánh như người nghèo được của báu, như dân gặp được vua để trả lời.

10. Chỉ nương bản tánh này tu định có thành Phật được không?

- Đạt được định thì làm Phật, Phật lại vô tướng, không thấy chứng đắc mới là chân thật chứng đắc.

Mười câu trả lời trên ngôn từ rất dài, nghĩa lý rất rộng, nay tôi chỉ trả lời tóm tắt theo những gì bệ hạ hỏi mà thôi.

Từ đó vua dốc tâm tu tập huyền chỉ.

45. Vua hạ chiếu lập văn bia ở những nơi có ao phóng sinh:

Tháng ba, vua hạ chiếu cho khắp châu quận trong nước đều phải lập ao phóng sinh. Tháng mười, Thứ sử Thăng châu là Nhan Châu Khanh soạn văn bia, bài minh và lời tựa cho tất cả những nơi có ao phóng sinh. Trong ấy nói:

“Đường triều bảy đời, Hoàng đế bệ hạ ta là bậc Đại thánh, sáng suốt, văn võ, hiếu nghĩa đem cái phong cách của bậc chí thánh, giữ vững vận nước trong lúc nguy nan, không có binh hùng tướng mạnh như Thiếu Khương nhưng vẫn chống đỡ nổi sự bạo tàn của Lộc Sơn, bèn chặt gian lao, gắng công dốc sức, nhờ sự kiên quyết ấy mà vạn bang đều yên vui. Tự chiến thắng với chính mình nên thiên hạ về với kẻ nhân nghĩa, ban ân khắp bốn mùa, dương uy khắp tám hướng, công trần cả trời đất, hiếu cảm đến thần minh. Thế nên mới được những người như Hồi Hột, Hề Tập, Khiết Đan, Đại Thực, Tuần Man khôi phục lại muôn dặm, liều chết dần thân. Binh lính ở Sóc Phương, Hà Đông, Bình lư, Hà tây, Lung hữu, An tây, Kiều Trung, Lãn Nam, Hà Nam reo hò trong năm năm, xung phong liều chết, xô bạo ngược như bể càn khôn, dựng hai kinh như lợm của rơi. Khánh Chử trốn chạy là mong khỏi cái họa tru di, Tư Minh quy phục là muốn khỏi bị tuyệt tự. Dựng lại cơ nghiệp, không phò đông miếu, đón Thượng hoàng từ Tây Thục về kinh, nêu cái đạo làm con trong hoàng tộc. Một ngày thiết triều ba lần nhằm nêu tỏ cái hiếu hạnh của Thiên tử, vấn an hầu hạ biểu thị không đổi cái lễ của gia nhân. Ngàn ngục thay! Lẫy lừng thay! Cái nghi phong của bậc anh quân chân chánh. Thế làm những gì chưa làm kịp, tuyển chọn khắp thiên Tăng. Từ xưa đến nay chưa có bậc nhân chủ nào như Hoàng đế ta, chăm lo cho muôn loại, lo lắng khắp bốn loài. Thế rồi vào mùa xuân tháng ba năm Kỷ hợi, niên hiệu Càn Nguyên thứ hai, bắt đầu lệnh cho Tả Kiêu vệ Hữu Lang tướng sử Nguyên Tông, Trung sử Trương Đình

Ngọc phụng minh chiếu để ban ân đức, bắt đầu từ các nơi ở Dương châu như Sơn Nam, Kiến nam, Kiềm Trung, Kinh Nam, Lãnh Nam, Triết Tây trải dài đến Giang Ninh, Tần Hoài, Thái Bình Kiều ở Thăng châu. Trong vòng năm dặm từ Lâm giang đến Đế đô, mỗi nơi đều phải đào ao phóng sinh, cả thủy tám mươi một nơi, nhằm tỏ rõ đức sáng, quảng bá nhân ái của Thánh hoàng, kinh dịch đâu không nói “ban ân đến loài heo cá”. Kinh thi đâu không nói “từ giống chim thú, cá, rùa cũng phải như vậy”. Những bậc anh quân thông minh sáng suốt, tài trí song toàn từ xưa đến nay, không phải bệ hạ thì là ai.

Xưa Ân Thang tích nhân, vẫn mới hoàn bị một mặt; Hán Vũ ban huệ mới đích thực là ngậm châu. Dù nước chảy để cứu cái khô kiệt, của báu còn quý hơn danh xưng, nhưng việc đó chỉ dừng ngay lúc đó, vẫn giới hạn trong thời xưa. Còn như chúng ta ngày nay, kẻ sống trên cạn, người sống dưới nước, khắp nơi trong thiên hạ phải đào ao là muốn cổ vũ muôn dân trong nước cầu phước. Nhờ thần lực gia trì của Đà-la-ni mà làm cạn kiệt biển phiền não, làm khô cạn biển sinh tử. So với ngày xưa đâu từng tương tự.

Vi thần chức nhỏ tài hèn, sinh trong thời thịnh, thọ ân quốc vương, không biết lấy gì báo đáp, xin bắt chước Cao Đào Hề Tư ngâm ca tán tụng ân trạch của Lỗ vương, thuật lại văn bia bài minh nói về ao phóng sinh trong thiên hạ. Dù rằng không đủ nêu tỏ công lao to lớn của bậc minh quân trong muôn một, nhưng đây cũng tỏ được tấm lòng khẩn thiết chuyên tâm của thần.” (Bài minh trong văn bia không ghi lại ở đây)

46. Thượng thư Vương Ma Cật mất:

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Thượng Nguyên.

Tân Sửu: Thượng thư tả thừa Vương Duy mất. Duy tự là Ma Cật, lúc lâm chung không bệnh, ông viết mấy bức thư để lại cho người thân, thả bút thì mất. Ông rất giỏi chữ Thảo, chữ Lệ, lại giỏi vẽ tranh, nổi tiếng trong những năm từ Khai Nguyên đến Thiên Bảo. Những bậc hào kiệt quyền quý lúc nào cũng sẵn lòng đón tiếp ông, vương hầu ở đất Ninh đất Tiết tôn ông như thầy bạn. Ông vẽ rất xuất thần. Đến như sông, núi, đất bằng, đất xa, thế mây, màu đá... Ông vẽ rất tài tình, sống động, ai nấy đều cho là thần bút chứ sức học của người thường không vẽ nổi.

Có một người đưa ông bức Án nhạc đồ, nhưng không có đề tên, Duy nói:

- Đây là phách đầu tiên trong phần thứ ba của Khúc Nghệ

Thường.

Người ấy không tin, ông bèn cho người đánh khúc nhạc đó, bấy giờ khách mới tin.

Ông và em ông đều dốc chí học Phật, thức ăn không có thịt, hành hạ, áo mặc không có hoa hòe, lập riêng một cái thất ở Võng Xuyên ở đó. Nơi đây có núi non xanh biếc, trúc phát trên hồ, liễu thắm phát phơ, thù du mơn mớn. Xung quanh là nước biếc non xanh, ông thường cùng Bùi Tụ dạo chơi nơi này, làm thi làm phú ngâm vịnh làm vui. Vợ mất ông không lấy vợ kế, ở vậy đến ba mươi năm. Sau khi mẹ ông mất, ông đem Võng Xuyên cúng dường làm nơi thờ Phật.

47. Chân Như lên Thiên cung, Thiên đế trao mười ba bảo vật:

Nhâm Dần: Đổi niên hiệu là Bảo Ứng.

Tháng tư, tại chùa Long Hưng ở Sở châu, Ni cô Chân Như cảm thấy bàng hoàng như có người dẫn mình đi lên trời. Đến nơi Thiên đế trao cho bà mười ba bảo vật và nói:

- Trong nước có nạn nên lấy bảo vật thứ hai mà trấn.

Năm Giáp Tý, thứ sử Sở châu dâng biểu cống vật về triều. Mười ba bảo vật ấy gồm:

1. Huyền hoàng thiên phù: Hình như cái hốt, dài tám tấc, rộng hai tấc, bằng ngọc màu vàng, có đường vân và hai chữ “Ty bình” ở phía sau.

2. Ngọc kê: Có lông và vằn đầy đủ, bằng ngọc trắng.

3. Cốc bích: Dài sáu tấc, tự nhiên có lúa thóc, bằng ngọc trắng.

4. Tây Vương Mẫu hoàn: hai cái bằng ngọc trắng, dài bảy tấc.

5. Bích sắc bảo: Hình tròn có phát sáng.

6. Như ý châu: Hình như cái trứng, sáng như mặt trăng.

7. Hồng mạt hạt: Lớn như hạt lúa to.

8. Lang can châu: hai hạt dài hai tấc.

9. Ngọc quyết: Như cái vòng khuyết một phần tư.

10. Ngọc ấn: Có văn hoa hình con nai, ấn trên vật thì hiện ra hình này.

